



**2022** VƯỢT SÓNG  
**Báo cáo thường niên**



2022  
VƯỢT SÓNG

Báo cáo thường niên 2022

# MỤC LỤC

**01**

Thư ngỏ của  
Chủ tịch  
HĐQT

**02**

Tổng quan  
DNSE

**03**

Ấn tượng  
2022

**04**

Báo cáo  
của BGD về  
KQKD 2022

**05**

Chiến lược  
phát triển  
2022

**06**

Quản trị  
doanh  
nghiệp

**07**

Phát triển  
bền vững

**08**

Báo cáo  
tài chính



01

THƯ NGỎ CỦA  
CHỦ TỊCH HĐQT



# Thư ngỏ của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

## Kính thưa Quý Cổ đông,

Trước tiên, thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, tôi xin gửi lời cảm ơn đến Quý Cổ đông đã ủng hộ, đồng hành cùng Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE.

Thị trường chứng khoán năm 2022 chứng kiến nhiều biến động lớn. Sóng giảm lần này được đánh giá là khốc liệt nhất tính trong giai đoạn 10 năm từ 2022 trở lại, gây bất lợi lớn cho hoạt động của các công ty chứng khoán nói chung và trong đó có DNSE.

Tuy nhiên, với nỗ lực linh hoạt trong vận hành, đổi mới công nghệ, hướng đi marketing khác biệt, cùng mô hình freemium - “miễn phí giao dịch trọn đời”, DNSE đã giữ vững được đà tăng trưởng tích cực. Doanh thu năm 2022 tăng 2,5 lần so với 2021, quy mô Tổng tài sản và Dư nợ ký quỹ đạt con số tăng trưởng tốt.

## Số lượng tài khoản mở mới trên nền tảng Entrade X năm 2022 gấp hơn 4 lần số lượng tài khoản lũy kế năm 2021.

Để đạt được những con số tăng trưởng đó, năm 2022 là năm chúng tôi tập trung toàn bộ nguồn lực nhằm hoàn thiện hệ thống sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh. Với định hướng lấy công nghệ làm cốt lõi, DNSE đã liên tục bổ sung, ra mắt thêm nhiều tính năng mới mang tính đột phá, tiên phong trên nền tảng Entrade X.



Trong đó, nổi bật là hệ thống quản trị và cho vay theo từng giao dịch (Margin Deal) lần đầu tiên có mặt trên thị trường.

DNSE cũng đã nâng vốn điều lệ thành công lên 3.000 tỷ đồng, chuẩn bị nền tảng và nguồn lực vững chắc nhằm gia tăng năng lực triển khai, năng lực cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư.

Năm qua, mặc dù thanh khoản thị trường giảm, làn sóng nhà đầu tư mới tham gia thị trường và giá trị giao dịch tiếp tục tăng, thậm chí lập kỷ lục với quy mô giao dịch gấp 5 lần so với giá trị giao dịch bình quân của năm 2018. Thêm gần 2,6 triệu tài khoản chứng khoán được mở mới, tăng 60% so với năm trước.

Việc dư địa thị trường tiếp tục mở rộng là tín hiệu tốt và là cơ hội để DNSE tăng tốc chinh phục, chiếm lĩnh thị phần trong thời gian tới. Tuy nhiên, thị trường 2023 cũng được dự đoán sẽ đứng trước nhiều thách thức, khó khăn.

Chúng tôi cho rằng, trong bối cảnh thị trường không thuận lợi, hơn bao giờ hết, nhà đầu tư cần sự đồng hành, hỗ trợ nhiều hơn. Mục tiêu tiếp theo của DNSE là tiến thêm một bước trong việc chia sẻ cảm xúc cùng nhà đầu tư, cá nhân hóa trải nghiệm thông qua việc ứng dụng Tâm lý học và AI vào việc phát triển sản phẩm, tiếp tục nâng cao đơn giản hóa chu trình mở tài khoản và trải nghiệm giao dịch cho nhà đầu tư.

## Sản phẩm Môi giới ảo - AI Broker được kỳ vọng là trọng tâm trong năm 2023, sẽ mở ra cánh cửa tiếp cận thông tin đầy đủ, dễ hiểu và sát nhất với khẩu vị đầu tư của từng cá nhân khách hàng.

Như vậy, trên nền tảng chứng khoán Entrade X, nhà đầu tư sẽ có trải nghiệm khép kín từ việc bắt đầu trải nghiệm giao dịch, tiếp cận thông tin hỗ trợ nhu cầu đầu tư và quản trị hiệu suất đầu tư của bản thân rõ ràng, hiệu quả.

Chúng tôi tin rằng, mục tiêu đầy thách thức này sẽ đưa Entrade X trở thành nền tảng hiểu rõ nhà đầu tư nhất, trở thành sự lựa chọn ưa thích cho khách hàng mới, cũng như khách hàng giao dịch lâu năm.

Năm 2022, DNSE cũng đã bước đầu thực hiện chiến lược hợp tác, tích hợp Entrade X vào các nền tảng dữ liệu, tư vấn trên thị trường như FiinTrade, FinPeace. Trong 2023, chúng tôi sẽ tiếp tục tận dụng thế mạnh công nghệ, đẩy mạnh các hoạt động hợp tác nhằm mục tiêu tăng trưởng tệp khách hàng, cũng như mang tới những trải nghiệm tích hợp “một chạm” đa nền tảng, cơ hội tiếp cận chứng khoán thuận tiện hơn cho nhà đầu tư.



*Tôi kỳ vọng rằng, với chiến lược và mục tiêu rõ nét,*

## 2023 sẽ là năm DNSE “Vượt Sóng”

*tăng tốc mạnh mẽ, giữ vững vị trí tiên phong trên thị trường chứng khoán số.*

Xin chân thành cảm ơn các Quý Cổ đông, Quý Khách hàng đã luôn ủng hộ, hỗ trợ DNSE. Xin kính chúc Quý vị sức khỏe, thành công và đầu tư hiệu quả!

Trân trọng,

Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Nguyễn Hoàng Giang

# 02

## TỔNG QUAN DNSE

Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

Lịch sử phát triển

Ngành nghề kinh doanh

Địa bàn kinh doanh

Cơ cấu tổ chức



# Tầm nhìn & Sứ mệnh

## Tầm nhìn

DNSE là công ty đầu tư, kinh doanh, môi giới chứng khoán; đặt trọng tâm vào việc kết nối nguồn vốn thông qua công nghệ, với mục tiêu tiên phong dẫn dắt thị trường chứng khoán số tại Việt Nam.

## Sứ mệnh

“Đơn giản hóa đầu tư cho người Việt” thông qua việc ứng dụng công nghệ hiện đại, trí tuệ nhân tạo vào các sản phẩm tài chính, nâng tầm trải nghiệm khách hàng, tối ưu hóa hiệu quả đầu tư.

# — Giá trị cốt lõi





# Lịch sử phát triển

## 2007

**Chứng khoán Đại Nam (tiền thân của Chứng khoán DNSE) thành lập**

theo Giấy phép hoạt động số 62/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30/10/2007 với vốn điều lệ ban đầu là 38 tỷ đồng

## 2009

Thành lập Chi nhánh TP Hồ Chí Minh tại 117/119/121 Nguyễn Du, Q1, TP Hồ Chí Minh, mở rộng địa bàn kinh doanh. Tham gia giao dịch trực tuyến với Sở GDCK TP Hồ Chí Minh. Công ty tiến hành tăng vốn điều lệ lên 50 tỷ đồng

## 2011

Công ty tăng vốn điều lệ từ **50 tỷ** đồng lên **75 tỷ** đồng

## 2014

Công ty chuyển trụ sở chính về Tầng 12A, Center Building Hapulico Complex, Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

## 2014

Công ty chuyển trụ sở chính về Tầng 5 Tòa nhà HACCI Complex Building số 35 Lê Văn Lương, Quận Thanh Xuân, Hà Nội. Trở thành Công ty đại chúng

## 2021

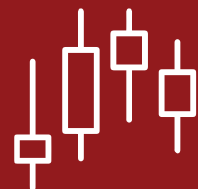
**Đổi tên thành Công ty CP Chứng khoán DNSE**

Tăng vốn điều lệ công ty lên **1.000 tỷ đồng**

Liên tiếp ra mắt nền tảng mới, nâng cấp tính năng sản phẩm, giúp thị phần, số lượng tài khoản chứng khoán và dư nợ đều bứt phá tăng trưởng 3 con số

## 2008

DNSE trở thành thành viên Sở GDCK Hà Nội và Sở GDCK TP Hồ Chí Minh



## 2010

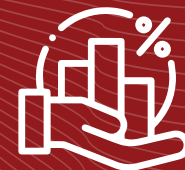
**Tham gia giao dịch trực tuyến với Sở GDCK Hà Nội**

## 2012

Công ty chuyển trụ sở chính về 21 Hàn Thuyên, P. Phạm Đình Hồ, Hà Nội

## 2015

Công ty tăng vốn điều lệ lên **160 tỷ** đồng



## 2020

**Trở thành Công ty con của Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital.**

Ra mắt app giao dịch chứng khoán cơ sở **Entrade X** và dịch vụ chuyển tiền tự động Virtual Account, trở thành công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam áp dụng công nghệ số tài khoản định danh chứng khoán, khẳng định vị thế dẫn đầu về mặt công nghệ trên thị trường, đem đến trải nghiệm nộp rút tiền của khách hàng dễ dàng với thời gian xử lý tính bằng giây



## 2022

Tăng vốn điều lệ công ty lên **3.000 tỷ đồng**

Ra mắt hệ thống quản trị theo từng giao dịch đầu tiên trên thị trường Việt Nam (Margin Deal), liên tục bổ sung tính năng sản phẩm, giữ vững đà tăng trưởng doanh thu và thị phần

# Ngành nghề kinh doanh



# Địa bàn kinh doanh

## ● HÀ NỘI

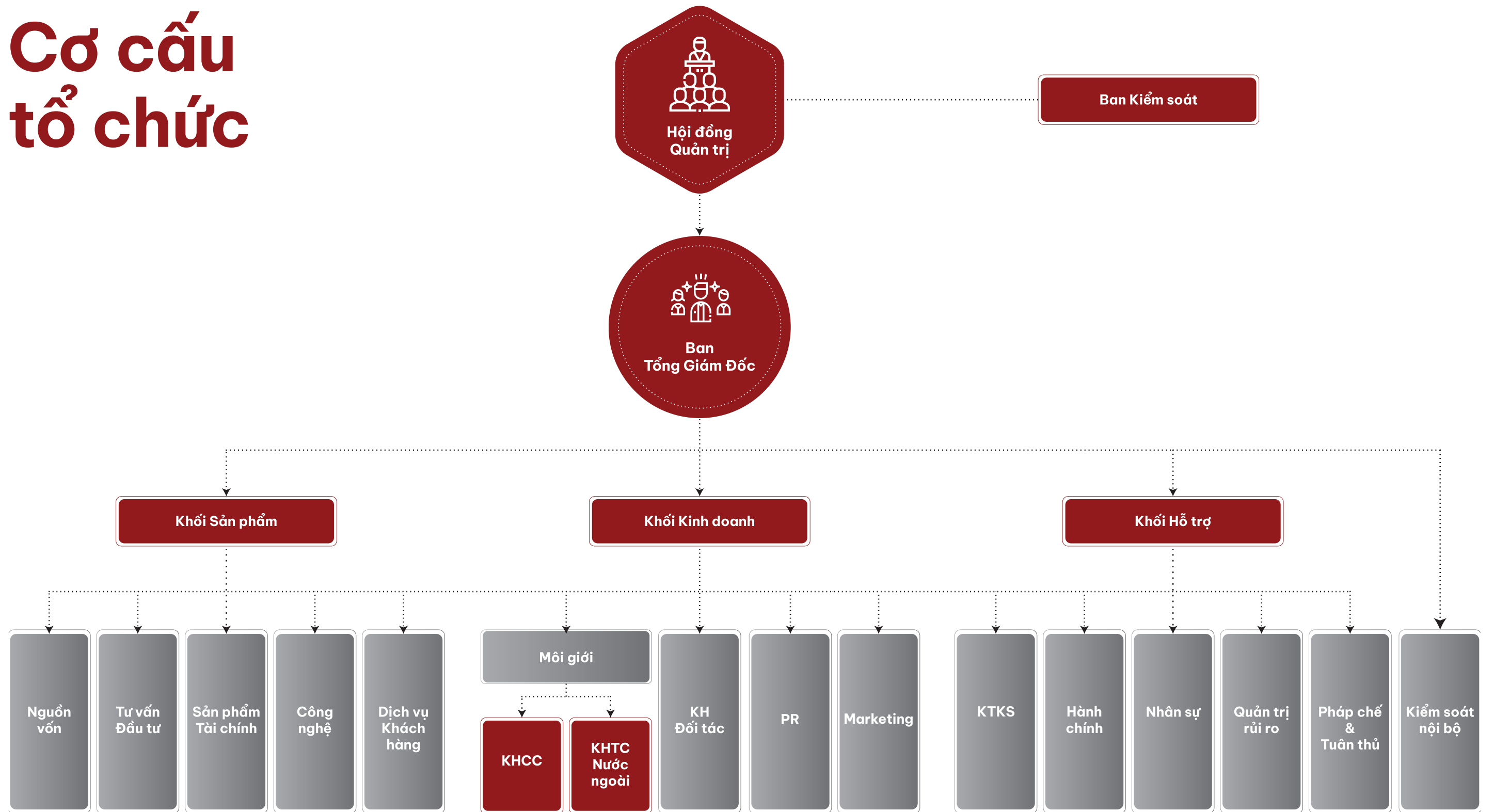
**Trụ Sở Chính:**  
Tầng 6 - Tòa nhà Pax Sky,  
Số 63-65 Ngô Thi Nhậm,  
P.Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng.

## ● Thành phố HỒ CHÍ MINH

**Chi nhánh:**  
C-00.01, C-00.02, C-00.03, Lô C1,  
Khu nhà thấp tầng Khu III  
(Khu chung cư Sarina),  
Số 62 đường Hoàng Thế  
Thiện, phường An Lợi Đông,  
Thành phố Thủ Đức



# Cơ cấu tổ chức





# Ban Lãnh đạo



**Ông Nguyễn Hoàng Giang**  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Hoàng Giang giữ vị trí Chủ tịch HĐQT từ tháng 07/2020 đến nay. Trước khi gia nhập DNSE, ông Nguyễn Hoàng Giang đã có 10 năm công tác tại CTCP Chứng khoán VNDirect; trong đó ông giữ vị trí Tổng Giám đốc trong giai đoạn 2010 - 2018. Ông tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Toán kinh tế, Khoa học máy tính, trường Đại học Nebraska và Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh tại Đại học Chicago, Mỹ. Năm 2016, ông Nguyễn Hoàng Giang vinh dự nhận Bằng khen “Cá nhân tiêu biểu” do Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh trao tặng và đồng thời trở thành một trong 30 gương mặt nổi bật nhất Việt Nam ở độ tuổi dưới 30 do Tạp chí Forbes bầu chọn.



**Ông Lê Anh Tuấn**  
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Lê Anh Tuấn giữ vị trí Phó Chủ tịch HĐQT từ tháng 07/2020 đến nay. Ông Lê Anh Tuấn có 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - chứng khoán. Ông sở hữu kinh nghiệm sâu rộng trong lĩnh vực tài chính - chứng khoán, trải qua nhiều vị trí tại các Tập đoàn/Công ty tài chính trong và ngoài nước như KPMG Việt Nam, Chứng khoán Sài Gòn. Trước khi gia nhập DNSE, ông Lê Anh Tuấn đã có nhiều năm đảm nhiệm các vị trí quan trọng tại CTCP Chứng khoán VNDirect như Phó Giám đốc Khối Khách hàng cá nhân, Giám đốc chi nhánh Hồ Chí Minh.



**Bà Phạm Thị Thanh Hoa**  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà Phạm Thị Thanh Hoa giữ vị trí Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc từ tháng 06/2020 đến nay. Trước đó, bà Phạm Thị Thanh Hoa là Giám đốc điều hành vận hành Công ty CP Công nghệ Tài chính Encapital. Bà có kinh nghiệm nhiều năm làm việc trong lĩnh vực chứng khoán - kiểm toán. Trước đó, bà từng giữ vị trí quản lý tại CTCP Chứng khoán VNDirect, Chứng khoán Sài Gòn, Công ty TNHH KPMG Việt Nam. Bà Phạm Thị Thanh Hoa tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành ngân hàng - tài chính tại trường Đại học Paris Dauphine và ESCP Business School.



**Bà Nguyễn Thị Hà Ninh**  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà Nguyễn Thị Hà Ninh giữ vị trí Thành viên HĐQT từ tháng 04/2022 đến nay. Bà có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - chứng khoán. Trước khi gia nhập DNSE, bà từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại các Công ty tài chính/Chứng khoán như Kế toán trưởng tại CTCP Chứng khoán VNDirect, Giám đốc tài chính CTCP VSD Holdings. Bà Nguyễn Thị Hà Ninh tốt nghiệp Thạc sĩ Chương trình Tài chính doanh nghiệp và Kiểm soát quản trị tại Đại học Toulon.



03

ẤN TƯỢNG  
2022



# Ấn tượng năm 2022

Tăng vốn đầu tư lên

**3.000** TỶ ĐỒNG

vào Top 10 CTCK có vốn điều lệ lớn trên thị trường tại thời điểm hoàn thiện

Ra mắt nhiều tính năng mới, trong đó nổi bật là

**Môi giới ảo (AI Broker), Gift X**

Ra mắt

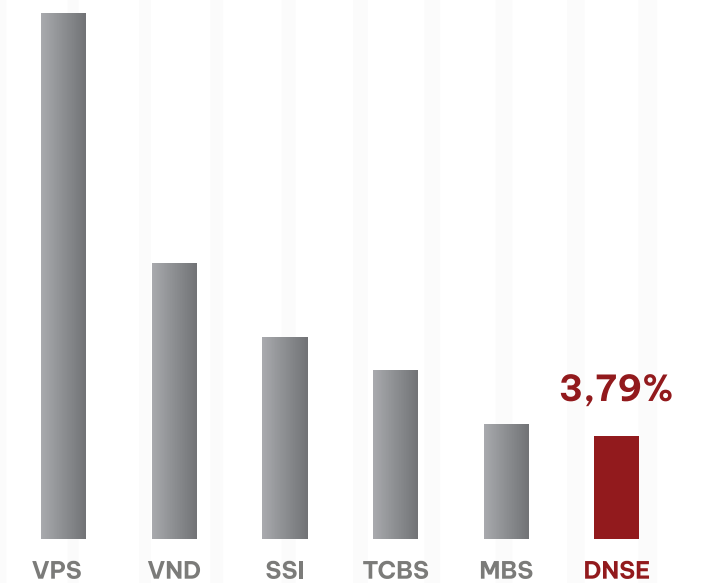
**Hệ thống quản trị theo từng giao dịch**  
đầu tiên trên thị trường chứng khoán Việt Nam



Đạt

**TOP 6 CTCK**

có thị phần môi giới **LỚN NHẤT HNX** Quý II/2022



Ký kết hợp tác với nền tảng phân tích chứng khoán



Ký kết hợp tác với đơn vị đào tạo và tư vấn tài chính cá nhân





# Ấn tượng năm 2022

Đạt

## TOP 10

Thương hiệu  
tăng trưởng  
ấn tượng 2022

Đạt

## TOP 10

Thương hiệu  
dẫn đầu  
Việt Nam 2022

Dư nợ ký quỹ cán mốc

## 2.250

TỶ ĐỒNG

Tăng **103%**  
So với đầu năm 2022

Tổng tài sản đạt hơn

## 6.409

TỶ ĐỒNG

Tăng **177%**  
So với đầu năm 2022



Doanh thu

## TĂNG 2,5 LẦN

So với năm 2021



# 04

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ KQKD 2022

Đánh giá thị trường 2022 & triển vọng thị trường 2023

Kết quả kinh doanh 2022

Hoạt động Nguồn vốn

Hoạt động Môi giới chứng khoán

Hoạt động Sản phẩm tài chính

Hoạt động Công nghệ

Hoạt động Dịch vụ ngân hàng đầu tư

Tình hình Tài chính

# 1. Đánh giá thị trường 2022 & triển vọng thị trường 2023

## Nhìn lại năm 2022

Kinh tế Việt Nam năm 2022 đã hồi phục mạnh mẽ sau khi các quy định giãn cách xã hội được dỡ bỏ. Người dân và các doanh nghiệp đã dần quen với trạng thái bình thường mới. Tăng trưởng kinh tế năm 2022 đạt 8,02% so với cùng kỳ, là mức tăng cao nhất trong vòng 10 năm qua. Cùng với đó, lạm phát được kiểm soát tốt, CPI cả năm 2022 chỉ tăng 3,15%, đạt mục tiêu dưới 4% của Quốc hội. Tăng trưởng đối với lĩnh vực bán lẻ và sản xuất tăng lần lượt là 19,84% và 7,8% so với cùng kỳ, phản ánh nhu cầu tiêu dùng bật tăng trở lại sau dịch. Các chính sách tài khóa về hỗ trợ thuế TNDN và thuế GTGT cùng với việc lãi suất được duy trì ở mức nền thấp trong 9 tháng đầu năm đã góp phần kích thích nhu cầu tiêu dùng. Tuy nhiên đầu tư công đã chậm lại khi tính đến hết tháng 12/2022, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công ước chỉ đạt 67,27% kế hoạch, đạt 75,11% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (thấp hơn so với cùng kỳ năm 2021 là 77,3%), điều này khiến nền kinh tế mất đi một động lực tăng trưởng cơ bản.

## 2022 kinh tế hồi phục mạnh sau khi bình thường hóa cuộc sống

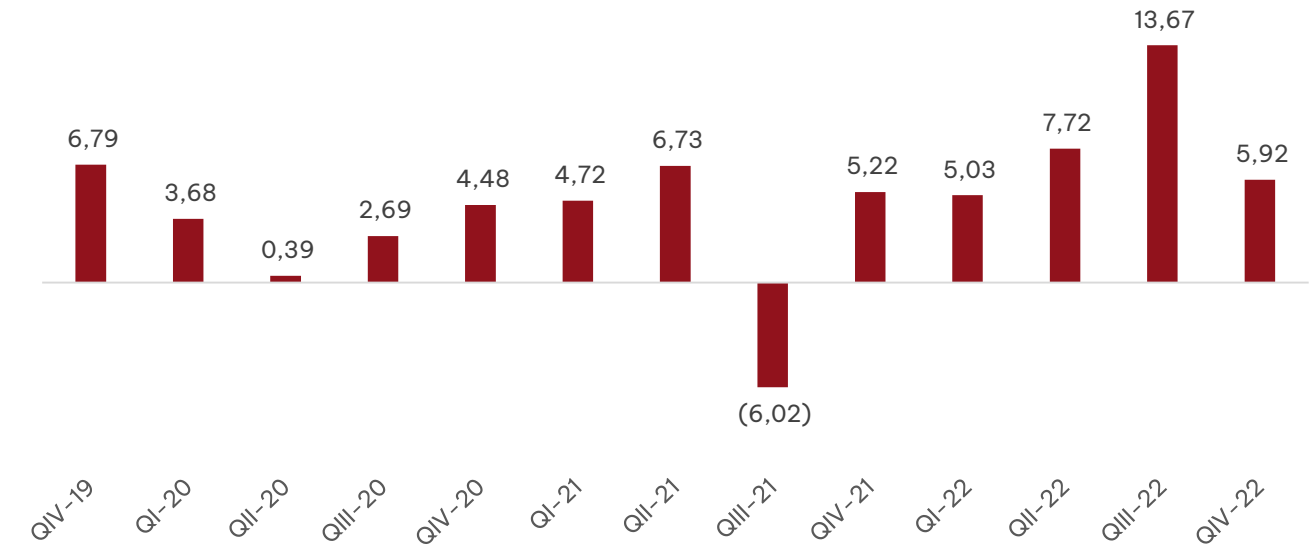
Kinh tế Việt Nam năm 2022 phục hồi mạnh mẽ từ mức nền thấp năm 2021, trong đó tăng trưởng GDP năm 2022 đạt 8,02% - mức tăng cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây.

Khu vực dịch vụ được khôi phục và tăng trưởng mạnh mẽ với tốc độ tăng năm 2022 đạt 9,99%, cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Một số ngành dịch vụ thị trường tăng cao, đóng góp nhiều vào tốc độ tăng, tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế như sau: Ngành bán buôn, bán lẻ tăng 10,15%, ngành vận tải kho bãi tăng 11,93%, ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng cao nhất trong khu vực dịch vụ với mức tăng 40,61%.

Sản xuất công nghiệp tăng trưởng 7,78% nhờ số lượng đơn hàng dồi dào trong 9 tháng đầu năm 2022 khi nhu cầu từ quốc tế và nội địa đều tăng vọt.

Khó khăn tăng dần về cuối năm khi GDP Quý IV/2022 tăng 5,92% so với cùng kỳ, tuy cao hơn tốc độ tăng 4,7% và 5,71% của cùng kỳ năm 2020 và 2021 nhưng thấp hơn tốc độ tăng giai đoạn 2011-2019.

## Tăng trưởng GDP Việt Nam



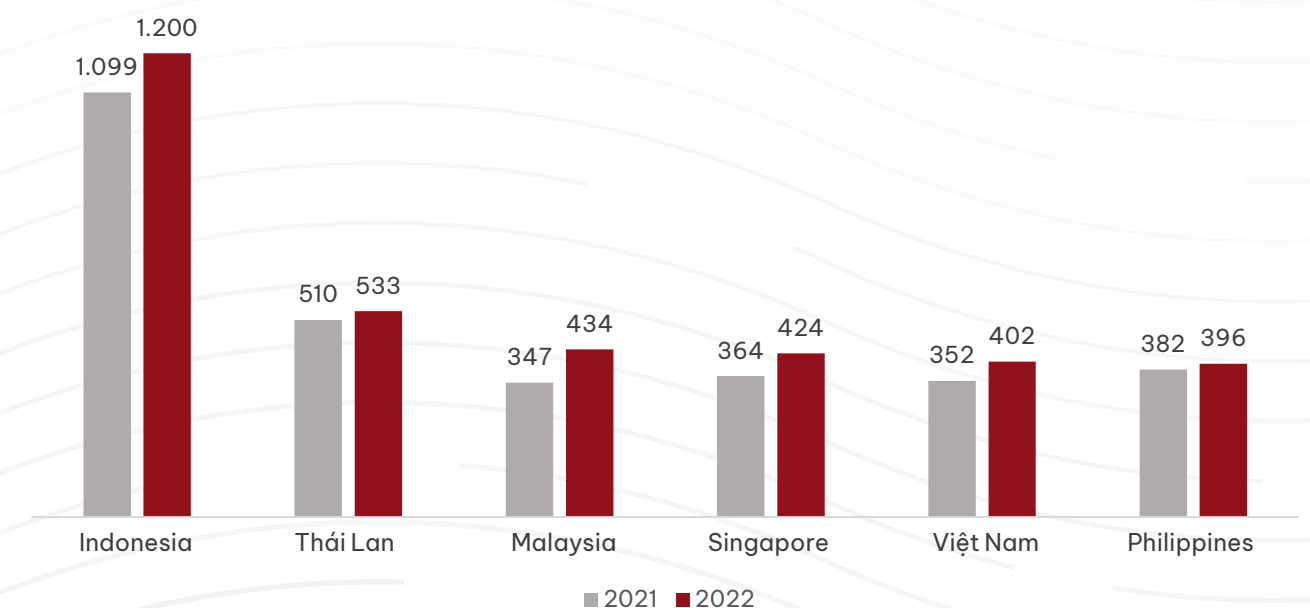
## So sánh với các nước

**Trong năm 2022, Việt Nam vẫn duy trì ở vị trí thứ 5 khu vực Đông Nam Á với tổng GDP ước đạt 402 tỷ USD, xếp sau Singapore nhưng cao hơn Philippines.**

Malaysia đã có bước bứt phá mạnh mẽ khi vươn lên top 3 với 434 tỷ USD từ mức 347 tỷ USD năm 2021.

Mục tiêu tăng trưởng năm 2023 là 6,5% trong năm 2023 – thấp hơn kết quả đạt được năm 2022 là 8,02%, tuy nhiên đây là mục tiêu thách thức trong bối cảnh khó khăn chung trên toàn thế giới cũng như tại Việt Nam.

## GDP 2021-2022 (tỷ USD)





### Cơ cấu tăng trưởng nền kinh tế

Trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, ngành nông nghiệp tăng 2,88%, đóng góp 0,27 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 6,13%, đóng góp 0,03 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 4,43%, đóng góp 0,12 điểm phần trăm.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 8,10%, đóng góp 2,09 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Ngành cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,45%, đóng góp 0,04% điểm phần trăm. Ngành sản xuất và phân phối điện tăng 7,05%, đóng góp 0,26 điểm phần trăm. Ngành khai khoáng tăng 5,19%, đóng góp 0,17 điểm phần trăm. Ngành xây dựng tăng 8,17%, đóng góp 0,59 điểm phần trăm.

Khu vực dịch vụ được khôi phục và tăng trưởng mạnh mẽ với tốc độ tăng năm 2022 đạt 9,99%, cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Một số ngành dịch vụ thị trường tăng cao, đóng góp nhiều vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế như sau: Ngành bán buôn, bán lẻ tăng 10,15% so với năm trước, đóng góp 0,97 điểm phần trăm; ngành vận tải kho bãi tăng 11,93%, đóng góp 0,69 điểm phần trăm; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng cao nhất trong khu vực dịch vụ với mức tăng 40,61%, đóng góp 0,79 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 9,03%, đóng góp 0,53 điểm phần trăm; ngành thông tin và truyền thông tăng 7,80%, đóng góp 0,5 điểm phần trăm.

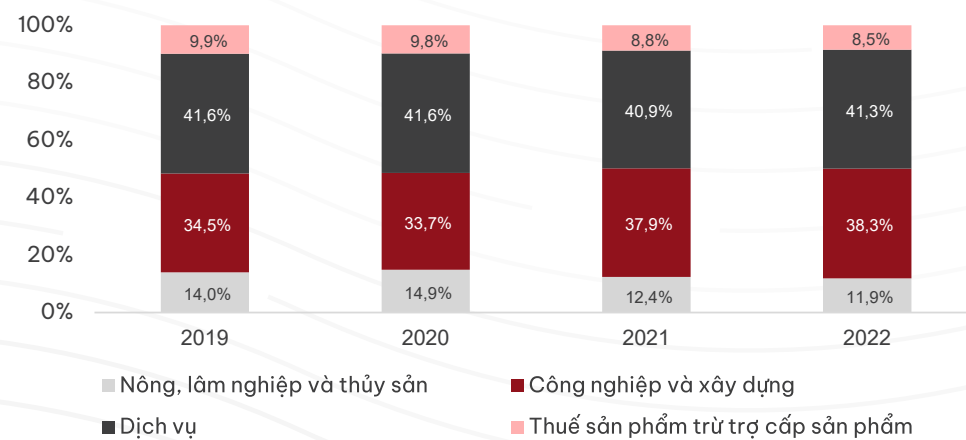
Riêng ngành y tế và hoạt động trợ giúp xã hội giảm 7,6%, làm giảm 0,13 điểm phần trăm. Nguyên nhân là do dịch Covid-19 đã được kiểm soát nên chi cho phòng, chống dịch bệnh giảm so với năm 2021.



### Cán cân thương mại

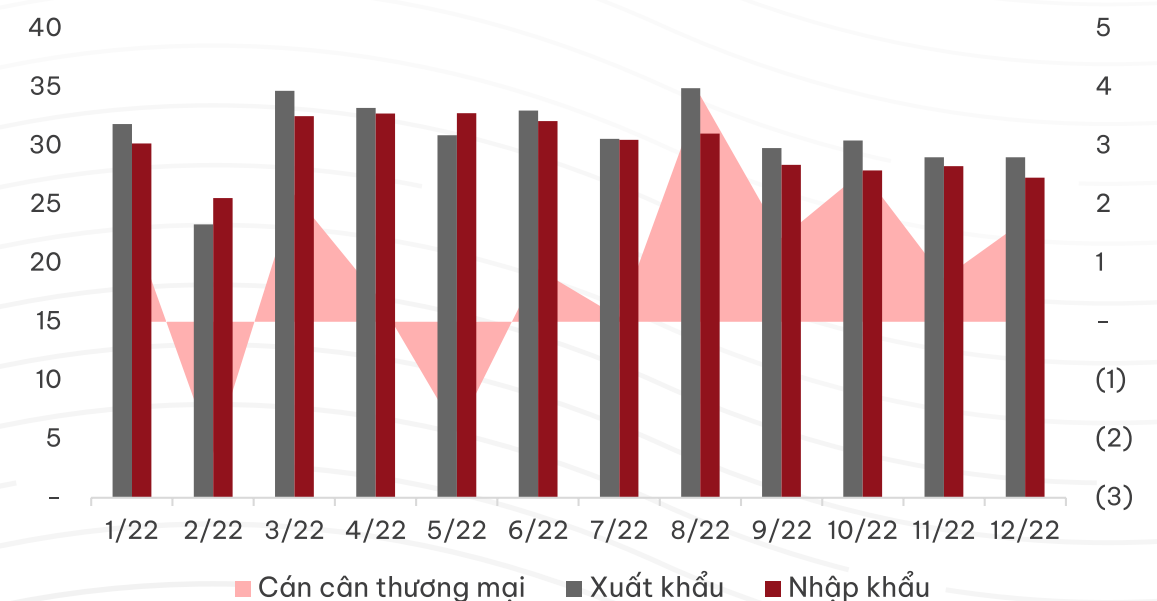
Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam đạt khoảng 732 tỷ USD, tăng khoảng 10% so với năm 2021. Trong đó, xuất khẩu dự kiến tăng khoảng 10,5%, đạt khoảng 371,5 tỷ USD, hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch được Quốc hội và Chính phủ giao (kế hoạch tăng 8%). Số mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 01 tỷ USD dự kiến đạt 39 mặt hàng (tăng 04 mặt hàng so với năm 2021), trong đó có 09 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 10 tỷ USD (tăng hơn 01 mặt hàng so với năm 2021).

Cán cân thương mại tiếp tục ghi nhận xuất siêu năm thứ 7 liên tiếp với thặng dư gần 11 tỷ USD, góp phần tích cực cho cán cân thanh toán, giúp nâng cao dự trữ ngoại hối, ổn định tỷ giá và các chỉ số kinh tế vĩ mô khác của nền kinh tế.

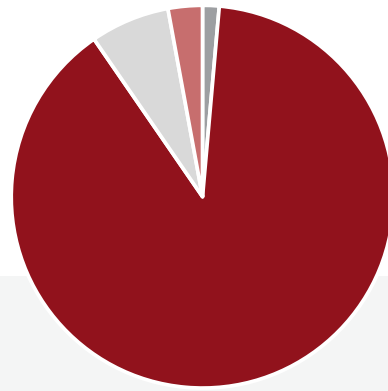


Về cơ cấu nền kinh tế năm 2022, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,88%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 38,26%; khu vực dịch vụ chiếm 41,33%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,53%.

### Xuất nhập khẩu Việt Nam 2022 (tỷ USD)



### Cơ cấu xuất khẩu hàng hóa



- Nguyên liệu và khoáng sản
- Nhóm hàng nông sản, lâm sản
- Nhóm hàng công nghiệp
- Nhóm hàng thủy sản

Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu tiếp tục cải thiện theo chiều hướng tích cực, giảm hàm lượng xuất khẩu thô, tăng xuất khẩu sản phẩm chế biến, sản phẩm công nghiệp, tạo điều kiện cho hàng hóa Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu. Nhóm hàng công nghiệp chế biến tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu xuất khẩu, chiếm hơn 86% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Tốc độ tăng xuất khẩu chậm lại bắt đầu từ quý IV, thị trường bị thu hẹp, đơn hàng giảm, cạnh tranh trên thị trường quốc tế gia tăng. Một số mặt hàng chi phí nguyên liệu vật tư đầu vào tăng cao trong khi mức giá xuất khẩu không tăng làm giảm sức cạnh tranh của sản phẩm... đã ảnh hưởng lớn đến tốc độ tăng xuất khẩu chung của cả nước.

Mặc dù, xuất khẩu tăng cao nhưng mức độ phụ thuộc vào khu vực FDI vẫn còn lớn (kim ngạch xuất khẩu của khối doanh nghiệp FDI kể cả dầu thô chiếm khoảng 74% tổng kim ngạch xuất khẩu). Giá trị gia tăng trong xuất khẩu chưa được như mong muốn.

Tốc độ đa dạng hoá thị trường ở một số sản phẩm (như rau quả) còn chậm nên chưa có khả năng đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, chất lượng của các thị trường, tận dụng tốt các ưu đãi thuế quan từ các FTA đã ký kết. Việc chuyển từ hoạt động xuất khẩu tiểu ngạch sang chính ngạch còn chậm.

Năng lực xuất khẩu của các doanh nghiệp 100% vốn Việt Nam, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa cao.

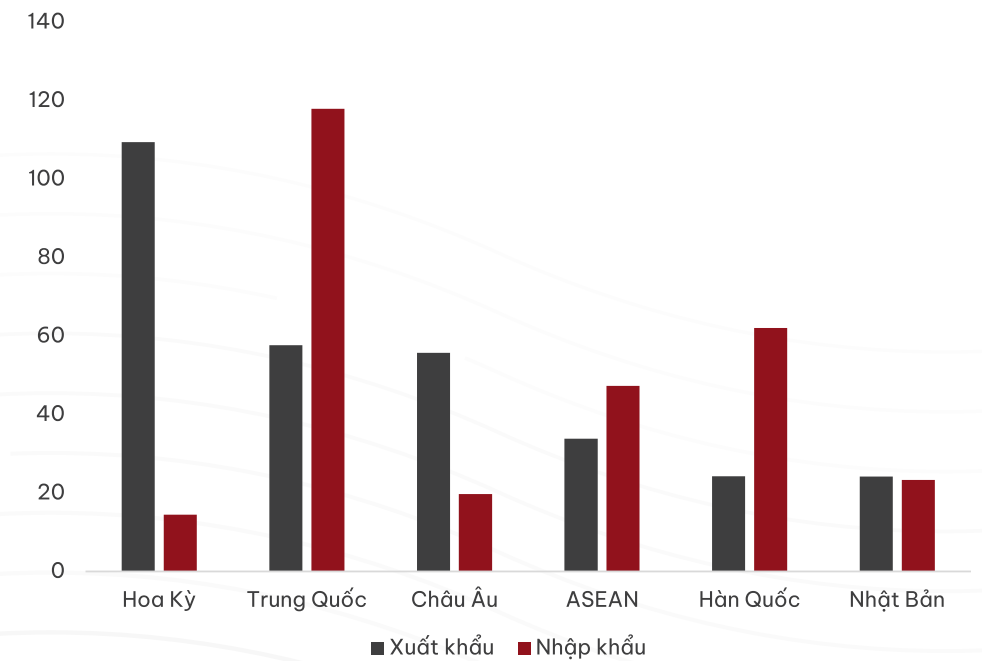
### Thị trường xuất nhập khẩu chủ lực

Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa năm 2022:

**HOA KỲ**  
là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt  
**109,1 tỷ USD**

**TRUNG QUỐC**  
là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt  
**119,3 tỷ USD**

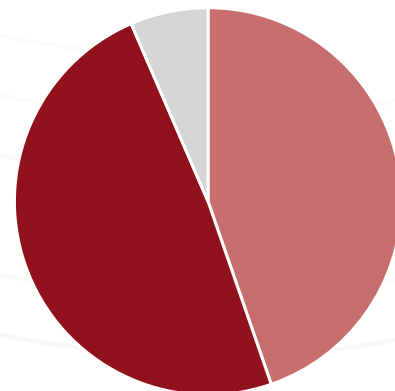
Thị trường xuất nhập khẩu chủ lực 2022 (tỷ USD)



### Cơ cấu nhập khẩu hàng hóa

Tính cả năm 2022, tổng trị giá nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt 358,9 tỷ USD, tăng 7,8% so với năm 2021 và cơ bản được kiểm soát tốt.

Trong đó, tăng mạnh nhất là máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 6,33 tỷ USD, tương ứng tăng 8,4%; xăng dầu các loại tăng 4,86 tỷ USD, tương ứng tăng 118,5%; hóa chất tăng 1,5 tỷ USD, tương ứng tăng 19,6%; than đá tăng 2,69 tỷ USD, tương ứng tăng 60,2%; dầu thô tăng 2,61 tỷ USD, tương ứng tăng 50,1%...



- Máy móc, thiết bị dụng cụ phụ tùng
- Nguyên nhiên vật liệu
- Vật phẩm tiêu dùng

Xuất siêu sang Hoa Kỳ ước đạt

**95** TỶ USD

Nhập siêu từ Trung Quốc ước đạt

**60** TỶ USD

Xuất siêu sang Châu Âu ước đạt

**36** TỶ USD

Nhập siêu từ Hàn Quốc ước đạt

**37,8** TỶ USD



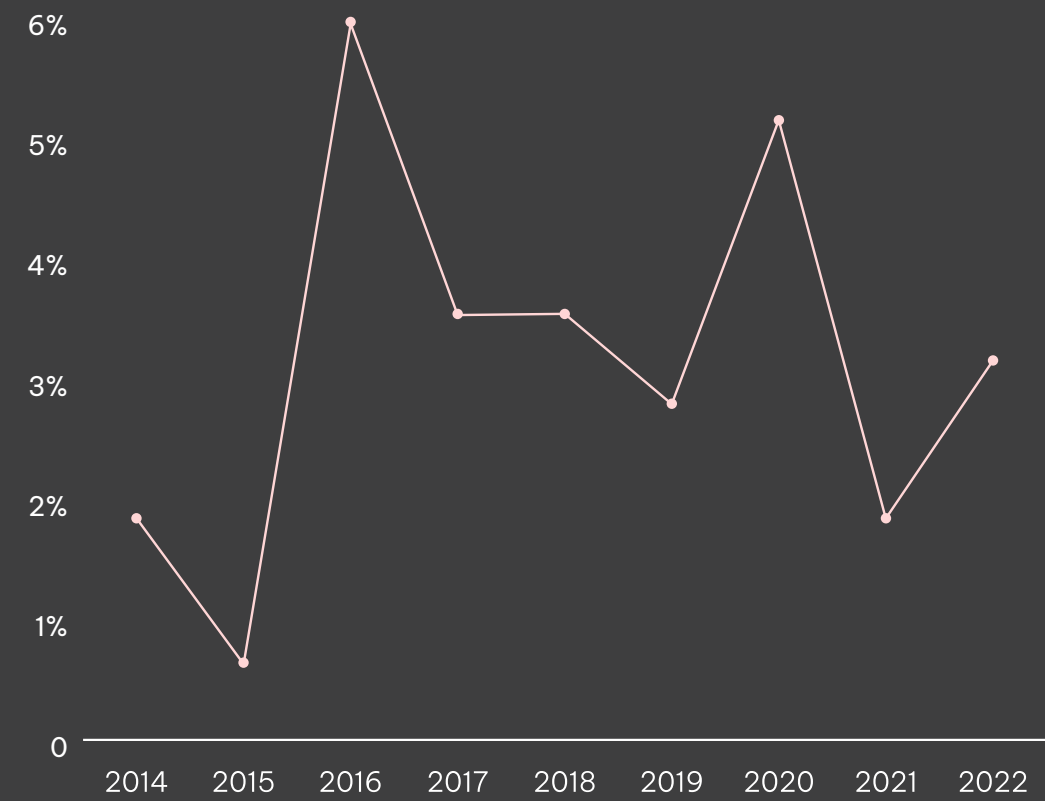
# Lạm phát tăng nhưng vẫn trong tầm kiểm soát

**CPI Việt Nam năm 2022 tăng 3,15%, hoàn thành mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4% của Quốc hội.**

Đây là mức tăng thấp nếu so với các mức độ lạm phát tại Mỹ và các nước Châu Âu. Điều này có thể hiểu là do Việt Nam đang là quốc gia nằm ở phía thượng nguồn trong chuỗi sản xuất và cung ứng hàng hóa thế giới. Với lợi thế sản xuất được đa phần hàng hóa thiếu yếu và là quốc gia xuất siêu, Việt Nam đã hạn chế được đáng kể việc phải nhập khẩu lạm phát.

Ngân hàng Nhà nước cũng đã thực hiện nhiều nỗ lực kiểm soát lạm phát như mở lại kênh tín phiếu sau hơn 2 năm đóng băng, trong khi vẫn linh hoạt bơm tiền qua các thỏa thuận mua bán đảo ngược để hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống ngân hàng trong những thời điểm căng thẳng.

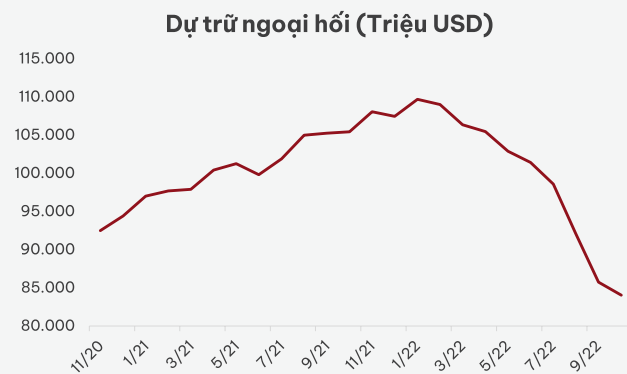
Tăng trưởng CPI Việt Nam



# Tỷ giá, lãi suất và tăng trưởng tín dụng

## Tỷ giá gây áp lực lên nỗ lực điều hành của NHNN

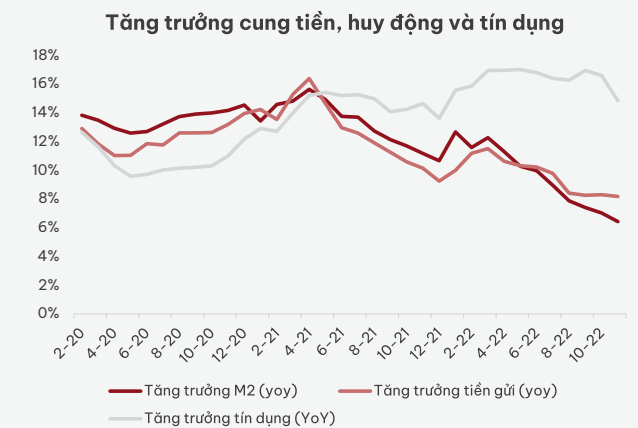
Việc FED thắt chặt tiền tệ quá nhanh trong khi NHNN tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng trong nửa đầu năm 2022 đã khiến cho tỷ giá USD/VND tăng mạnh trong Quý IV/2022. Nhờ những nỗ lực kiểm soát từ NHNN như bán ra lượng lớn USD từ dự trữ ngoại hối (ước tính khoảng 21 tỷ USD), VND vào cuối năm 2022 mất giá khoảng 3,5% - thấp hơn rất nhiều so với thời điểm cao nhất khoảng 9% ở tháng 11/2022.



## Tín dụng tăng vượt kế hoạch đầu năm

Việc nới room tín dụng lần chót vào cuối năm 2022 đã giúp tăng trưởng tín dụng toàn ngành đạt khoảng 14,5% so với cùng kỳ, cao hơn hạn mức tín dụng tăng trưởng đặt ra từ đầu năm là 14% nhưng vẫn thấp hơn khoảng 1,5% so với hạn mức tối đa sau cấp room.

Cơ cấu tín dụng tiếp tục dịch chuyển theo xu hướng tích cực, tập trung vốn cho các lĩnh vực sản xuất kinh doanh và quản lý chặt chẽ đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro. Trong đó tính đến hết tháng 11, tăng trưởng tín dụng cho hoạt động thương mại đạt 13,1% so với đầu năm, 16,2% so với cùng kỳ.



## Định hướng tăng trưởng tín dụng năm 2023

Theo chỉ thị số 01/CT-NHNN về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Ngân hàng trong năm 2023, Ngân hàng Nhà nước định hướng tăng trưởng tín dụng năm tới đạt khoảng 14-15%, mức tăng này tương đương mức tăng tín dụng năm 2022. Như vậy, với quy mô tín dụng nền kinh tế vào cuối năm 2022 ước đạt hơn 11,9 triệu tỷ đồng, lượng tín dụng các ngân hàng cho vay thêm trong năm 2023 sẽ rơi vào khoảng 1,67 – 1,79 triệu tỷ đồng.



# Điểm nhấn thị trường chứng khoán 2022

Sau giai đoạn thăng hoa năm 2021, chỉ số VN-Index đã liên tục lao dốc trong năm 2022. Tại thời điểm 31/12/2022, VN-Index dừng ở mốc 1.007 điểm, giảm 491,19 điểm (~32,78% so với mức đỉnh). Đà giảm của VN-Index được giải thích bởi nhiều nguyên nhân như căng thẳng địa chính trị Nga – Ukraine kéo dài, đã dẫn đến giá dầu thô tăng vọt, qua đó tác động đến chuỗi sản xuất – cung ứng toàn cầu bị đứt gãy. Ngoài ra, việc lạm phát cao hơn sau một năm nới lỏng tiền tệ đã khiến các ngân hàng trung ương áp dụng chính sách tăng lãi suất, ngừng bơm tiền vào nền kinh tế.

Trong nước, thị trường liên tục gặp những cú sốc như các vụ khởi tố lãnh đạo cấp cao tại Tập đoàn FLC, Tân Hoàng Minh Group, Vạn Thịnh Phát Group... qua đó ảnh hưởng đến tâm lý các nhà đầu tư cá nhân – bộ phận chiếm đến 90% cơ cấu nhà đầu tư trên thị trường. Một số yếu tố khác cũng góp phần tác động như lãi suất tăng, thắt chặt tín dụng đối với các phân khúc cho vay rủi ro cao như bất động sản, chứng khoán...



## Mạnh tay xử lý sai phạm trên thị trường chứng khoán

Năm 2022 ghi nhận nhiều vụ xử phạt hành chính cao kỷ lục, liên quan đến các sai phạm về công bố thông tin của cổ đông nội bộ, doanh nghiệp niêm yết và các công ty chứng khoán trong việc tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

## Thị trường trái phiếu doanh nghiệp năm 2022 “đóng băng” và dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 65

Sự phát triển quá nóng của trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) đưa tới nhiều rủi ro, nguy cơ, các cơ quan quản lý nhà nước đã có những giải pháp mạnh mẽ để lành mạnh thị trường TPDN, mà nổi bật nhất là khởi tố vụ án Tân Hoàng Minh Group, Vạn Thịnh Phát Group. Thêm vào đó, Nghị định 65 sửa đổi Nghị định 153 được ban hành (hiệu lực từ ngày 16/9/2022) càng thắt chặt thêm các điều kiện phát hành TPDN.

Dự thảo Nghị định 65 đã đưa ra nhiều thay đổi quan trọng, được kỳ vọng sẽ mở đường tháo gỡ phần nào nút thắt trong thị trường TPDN đang bế tắc suốt nhiều tháng qua, cùng với đó giải được phần nào bài toán cho khoảng 308.622 tỷ đồng trái phiếu đáo hạn năm 2023.

## Số lượng nhà đầu tư mới cao kỷ lục

Theo số liệu vừa công bố từ Trung tâm Lưu ký chứng khoán (VSD), số lượng tài khoản nhà đầu tư cá nhân trong nước mở mới tháng 5 lập kỷ lục 476.332, gấp đôi so với tháng 4. Con số này cũng cao hơn 76% so với kỷ lục cũ là 270.011 tài khoản được xác lập vào hồi tháng 3.

Tuy nhiên, theo đà giảm của chỉ số, lượng tài khoản mở mới liên tục giảm. Cụ thể, tháng 11 ghi nhận số tài khoản giao dịch chứng khoán tăng thêm so với tháng trước là 88.695 tài khoản, giảm 8% so với tháng 10. Đây là lượng tài khoản mở mới của nhà đầu tư nội địa thấp nhất kể từ tháng 2/2021 và là tháng thứ 6 liên tiếp sụt giảm.

## Rút ngắn chu kỳ thanh toán về T+2



Từ ngày 29/8/2022, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) chính thức rút ngắn thời gian thanh toán giao dịch chứng khoán về ngày T+2. Đây được coi là bước đột phá trong chu kỳ thanh toán của TTCK Việt Nam và cũng là một trong những mục tiêu cho việc nâng hạng thị trường. Việc rút ngắn chu kỳ thanh toán được kỳ vọng sẽ góp phần vào việc tăng thanh khoản, cũng như tăng mức độ hấp dẫn cho TTCK Việt Nam.

# Triển vọng Kinh tế và Chứng khoán năm 2023



## Động lực tăng trưởng kinh tế trong năm 2023

### Đẩy mạnh đầu tư công

Chính phủ Việt Nam đang thúc đẩy đầu tư công để hỗ trợ nền kinh tế.

Chính phủ đã công bố dự toán ngân sách năm 2023, trong đó vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (hay còn gọi là đầu tư công) ước đạt 698.867 tỷ đồng, tăng 28,9% so với kế hoạch năm trước, cao nhất kể từ năm 2016.

Để đạt được kế hoạch đầy tham vọng này, Chính phủ Việt Nam đã nói lòng mục tiêu lạm phát bình quân năm 2023 tăng lên 4,5% so với cùng kỳ (mục tiêu năm 2022 là 4,0%) và dự báo mức thâm hụt ngân sách cao hơn trong năm 2023 là 4,5%, từ 4% của năm 2022.

### Trung Quốc mở cửa

Một yếu tố khác hỗ trợ đầu tư công trong năm 2023 là giá vật liệu xây dựng giảm trong những tháng gần đây. Cụ thể, giá thép xây dựng trong nước giảm 19,7% so với mức đỉnh (-10,6% so với cùng kỳ). Kỳ vọng giá vật liệu xây dựng sẽ tiếp tục giảm trong các quý tới do nhu cầu yếu. Do đó đầu tư công được đẩy mạnh và vốn thực hiện năm 2023 có thể tăng 20-25% so với số thực tế năm 2022.

Các dự án đầu tư công trọng điểm sẽ được đẩy mạnh thực hiện trong năm 2023 bao gồm: 12 dự án Cao tốc Bắc Nam giai đoạn 1 và 2, dự án Sân bay quốc tế Long Thành.

Trung Quốc mở cửa kinh tế giúp hoạt động thương mại song phương được khôi phục cũng như lượng khách du lịch đến từ Trung Quốc hồi phục. Trong kịch bản cơ sở, các hoạt động sản xuất kinh doanh của Trung Quốc sẽ trở lại bình thường vào đầu Quý II/2023 sẽ được coi là động lực quan trọng hỗ trợ xu hướng TTCK toàn cầu nói chung và TTCK Việt Nam nói riêng.





## Thách thức

### Áp lực lãi suất và tỷ giá kéo dài đến nửa năm

Bước sang năm 2023, áp lực đối với mặt bằng lãi suất trong nước và tỷ giá hối đoái có thể kéo dài cho đến Quý II/2023, sau đó sẽ giảm bớt đáng kể sau khi FED chuyển dịch chính sách tiền tệ sang hướng trung lập hơn.

Ngân hàng Nhà nước (NHNN) có thể giữ nguyên lãi suất điều hành, không tăng trong năm 2023 do:

- Fed giảm tốc độ tăng lãi suất trong năm 2023 và chỉ số đồng USD có xu hướng giảm.
- Lạm phát trong nước tăng nhưng vẫn trong tầm kiểm soát.

Trong bối cảnh áp lực tỷ giá USD giảm, NHNN sẽ ưu tiên ổn định mặt bằng lãi suất để hỗ trợ doanh nghiệp và nền kinh tế, đặc biệt trong nửa cuối năm 2023.

Tuy nhiên, không thể loại trừ rủi ro Fed sẽ thắt chặt tiền tệ mạnh hơn và lâu hơn so với kỳ vọng của thị trường nếu lạm phát hạ nhiệt không như kỳ vọng của Fed (do xung đột Nga-Ukraine leo thang, khủng hoảng lương thực, gián đoạn chuỗi cung ứng). Nếu điều đó xảy ra, tỷ giá hối đoái và lãi suất của Việt Nam có thể chịu áp lực nhiều hơn so với kỳ vọng trong năm 2023.

### Căng thẳng Nga - Ukraine leo thang

Các nhà phân tích đánh giá xung đột quân sự Nga - Ukraine có thể leo thang hơn nữa trong năm mới. Tuy nhiên, vào năm 2023, Nga có thể có hành động quyết đoán để đi tới chấm dứt xung đột do Điện Kremlin cần tạo ra môi trường ổn định và tích cực, chuẩn bị cho cuộc bầu cử tổng thống Nga năm 2024, theo Thời báo Hoàn Cầu.

Chiến tranh chưa có dấu hiệu hạ nhiệt đẩy giá hàng hoá có nguy cơ duy trì ở mức cao trong năm 2023.

### Lo ngại suy thoái kinh tế

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu chứng lại đã được phản ánh vào số liệu kinh tế của Mỹ, GDP của Mỹ trong Quý II/2022 giảm 0,9%, quý giảm thứ 2 liên tiếp. Đồng thời, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế Mỹ năm 2023 xuống 1,2%, từ mức 1,7% trước đó.

Các đối tác thương mại lớn khác của Việt Nam như châu Âu, Trung Quốc cũng đối mặt với dự báo tăng trưởng kinh tế âm ảm đạm trong giai đoạn 2022-2023. Trong báo cáo mới nhất, IMF đã cảnh báo rằng nền kinh tế toàn cầu có thể tăng trưởng chậm lại đáng kể vào năm 2023, trong đó một số quốc gia chiếm khoảng 1/3 nền kinh tế toàn cầu có thể rơi vào suy thoái trong năm 2022 hoặc 2023. Do đó, IMF đã hạ mức tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2023 xuống còn 2,7% từ mức dự báo trước đó là 3,2%, trong đó IMF hạ dự báo tăng trưởng GDP của khu vực đồng tiền chung châu Âu năm 2023 xuống còn 0,5% so với mức 1,2% trước đó. IMF dự báo kinh tế Đức và Italy có thể rơi vào suy thoái vào năm 2023 với mức tăng trưởng GDP lần lượt là -0,3% và -0,2%.

### Trái phiếu doanh nghiệp đáo hạn

Với sự bùng nổ phát hành trái phiếu trong giai đoạn 2019 – 2021, tổng giá trị trái phiếu riêng lẻ đáo hạn năm 2023 vào khoảng 300.000 tỷ đồng, tăng 90% so với cùng kỳ. Trong đó bất động sản và tài chính - ngân hàng lần lượt chiếm 30% và 40%. Trong bối cảnh chính sách tiền tệ thắt chặt, chi phí tài chính gia tăng và thắt chặt phát hành trái phiếu, một số tổ chức phát hành có ít cơ hội tiếp cận nguồn vốn nhằm tái cơ cấu tài chính và đáp ứng nghĩa vụ nợ ngắn hạn. Rủi ro về khả năng thanh toán tập trung ở một số lĩnh vực có tỷ lệ đòn bẩy cao và hay biến động theo chu kỳ như lĩnh vực bất động sản.

Từ đó đến nay, các cơ quan chức năng đã đưa ra nhiều thông điệp nhằm xoa dịu tâm lý hoang mang của thị trường nhưng các giải pháp tháo gỡ khó khăn cụ thể vẫn chưa được triển khai. Tuy nhiên, thông tin có chút lạc quan là, theo báo cáo của Bộ Tài chính, nhiều doanh nghiệp đã chủ động mua lại trái phiếu trước hạn với tổng giá trị mua lại vào khoảng 152.000 tỷ đồng trong 10 tháng đầu năm 2022, phần nào giảm bớt áp lực đáo hạn và tâm lý tiêu cực của thị trường.



## Triển vọng Thị trường Chứng khoán 2023

### Thị trường định giá rẻ

Tại ngày 30/12/2022, VN-Index giao dịch ở mức 10,5 lần P/E trượt, thấp hơn 40% từ đỉnh 2022 và thấp hơn 34% so với trung bình định giá 5 năm (16,1 lần P/E). Việt Nam vẫn khá hấp dẫn so với các thị trường khu vực trong tương quan tăng trưởng lợi nhuận giai đoạn 2023-2024. Thực tế đã chứng minh qua dòng vốn ngoại quay trở lại mua ròng mạnh vào 2 tháng cuối năm 2022 với giá trị 27.000 tỷ trên tổng số 28.800 tỷ mua ròng cả năm 2022. Trong đó 2/3 dòng tiền khối ngoại được đóng góp đến từ các quỹ ETFs, khẩu vị khối ngoại cũng thay đổi so với chu kỳ trước khi họ tập trung giải ngân ở nhóm Midcap, đặc biệt là nhóm doanh nghiệp Bất động sản và Hóa chất có dòng tiền khỏe mạnh từ kinh doanh.

### Truy tìm điểm sáng giữa bầu trời đêm

Bối cảnh 2023 tiếp tục thách thức với thị trường chứng khoán khi vĩ mô chưa thực sự là bệ đỡ cho tăng trưởng của doanh nghiệp. Điều này sẽ gây ra sự sụt giảm đáng kể lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết, đặc biệt là nhóm ngành Ngân hàng - nhóm ngành chiếm tỷ trọng vốn hóa lớn trên TTCK, nhóm ngành Bất động sản.... Các nhóm ngành phòng thủ như điện, nước, dược phẩm, công nghệ thông tin... là các nhóm có lợi nhuận và mức tăng trưởng trong thời điểm hiện tại hấp dẫn hơn so với những doanh nghiệp tăng trưởng nóng mang tính chất chu kỳ và doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi yếu tố lãi suất.

Nhóm đầu tư công 2023 được kỳ vọng đẩy nhanh tiến độ giải ngân, sẽ tháo gỡ nút thắt tín dụng cho nền kinh tế. Tuy nhiên việc này phụ thuộc chủ yếu vào tiến độ giải phóng mặt bằng của các dự án. Vì vậy nhìn thấy điểm sáng từ nhóm ngành nhưng cần quan sát tình hình giải phóng mặt bằng của các dự án trọng điểm.



### Chờ “gió đông” từ tín hiệu lãi suất hạ nhiệt

Lãi suất luôn là một yếu tố ảnh hưởng mạnh đến sức khỏe của thị trường chứng khoán. Các tổ chức dự báo trên toàn cầu tiếp tục đưa ra dự báo chưa khả quan về tín hiệu hạ nhiệt lãi suất. Trên thế giới, lạm phát vẫn còn cách khá xa với kì vọng của các nhà điều hành. Như vậy mặc dù mức lãi suất điều hành 4,33% của FED đã gần đến mốc 5% như dự báo đỉnh nhưng khả năng cao mốc này sẽ được neo cho đến cuối năm 2023. Song song với đó là chính sách thắt chặt định lượng làm gia tăng khả năng suy thoái tại các nước xuất khẩu chính của Việt Nam. Tình hình thanh khoản và tín dụng trong nước vẫn chưa có tín hiệu nói bớt căng thẳng, khi lãi suất huy động vẫn đang neo ở mặt bằng 9-10%/năm với kì hạn 12 tháng. Do vậy, mặc dù có thể thị trường đã thấy đỉnh của lãi suất nhưng bao giờ qua đỉnh và chuyển sang xu hướng giảm thì vẫn cần một cơn gió mát từ những nhà điều hành.

Tựu chung lại, 2023 có thể không phải là một năm thuận lợi về kết quả kinh doanh cho doanh nghiệp niêm yết, nhưng nhìn về triển vọng dài hạn của thị trường, sau giai đoạn này sẽ là thời kì bùng nổ của những doanh nghiệp trụ vững trước sóng gió. Cơ hội với nhà đầu tư trên thị trường cũng tương tự, khi thị trường được định giá lại sẽ mở ra cơ hội đầu tư cho những nhà đầu tư tận dụng được thời cơ.

# 2. Kết quả kinh doanh 2022

## Hoạt động Nguồn vốn

Mảng kinh doanh nguồn vốn có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc quản trị, phân bổ và tối ưu hóa dòng vốn của DNSE cho các hoạt động kinh doanh trong từng thời kỳ. Phạm vi nguồn vốn quản lý bao gồm nguồn vốn chủ sở hữu, tín dụng ngân hàng, phát hành trái phiếu và nguồn vốn huy động khác. Việc duy trì, mở rộng, điều phối nguồn vốn hiệu quả đã giúp DNSE giữ vững đà tăng trưởng trong năm 2022.

### Đẩy mạnh năng lực huy động vốn

Ngày 13/05/2022, DNSE đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng lên 3.000 tỷ đồng thông qua hình thức chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Kết quả của đợt tăng vốn này là bước đệm quan trọng giúp DNSE gia tăng năng lực triển khai, tiếp tục mở rộng thị phần và quy mô phát triển trong năm 2022.

Trong năm 2022, bộ phận Kinh doanh Nguồn vốn đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mở rộng quan hệ tín dụng với các Ngân hàng trong nước, tiến tới phát triển quan hệ tín dụng với các Ngân hàng quốc tế với mục tiêu đa dạng hóa nguồn vốn huy động bằng cả nội tệ và ngoại tệ. Nguồn vốn được điều phối hiệu quả, đáp ứng kịp thời, đầy đủ, với chi phí hợp lý cho các hoạt động kinh doanh của công ty.

### Đẩy mạnh hoàn thiện, cải tiến và phát triển sản phẩm mới

Định hướng sử dụng công nghệ để tối ưu quy trình vận hành và hồ sơ tác nghiệp nhằm nâng cao trải nghiệm người dùng, DNSE tiếp tục cải tiến và cho ra mắt các tính năng mới trên ứng dụng Entrade X, giúp khách hàng tối ưu dòng tiền hiệu quả. Theo đó, các tính năng sản phẩm nguồn vốn đã ra mắt trong năm 2022 được nhà đầu tư đón nhận rộng rãi.

### Tăng cường hoạt động đầu tư, kinh doanh giấy tờ có giá, trái phiếu và các sản phẩm tài chính khác

Với mục tiêu đa dạng hóa nguồn thu và giảm thiểu rủi ro thị trường trong bối cảnh có nhiều biến động như năm 2022, DNSE phân bổ nguồn lực hợp lý để tăng quy mô đầu tư các sản phẩm tài chính dài hạn, có lãi suất cố định như chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu do các tổ chức tín dụng phát hành.

Mục tiêu năm 2023, DNSE tiếp tục mở rộng và phát triển mạnh hoạt động đầu tư, nắm bắt triệt để cơ hội thị trường nhưng vẫn đảm bảo rủi ro nằm trong phạm vi cho phép.

## Hoạt động Môi giới chứng khoán

### Duy trì phát triển số lượng tài khoản khách hàng

DNSE chính thức nâng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng vào tháng 5/2022, nguồn vốn dồi dào hơn cho phép hỗ trợ khách hàng tận dụng mọi cơ hội trên thị trường. Trong năm 2022, DNSE duy trì triển khai các chương trình ưu đãi, tặng thưởng để thu hút nhà đầu tư. Chiến lược hợp tác với FiinTrade và FinPeace của DNSE là một dấu mốc quan trọng, bước ngoặt trên thị trường tài chính số, khẳng định Entrade X mang đến ngày càng nhiều lợi ích ưu việt cho khách hàng, đồng thời giúp DNSE tăng trưởng về số lượng tài khoản.

Tài khoản lũy kế tính đến hết năm 2022 đạt

**189.845 tài khoản**  
**GẤP HƠN 4 LẦN**

số lượng tài khoản lũy kế năm 2021, tương đương với

**mức tăng 324%**

Nếu so sánh với năm 2020, năm đầu tiên khi DNSE trở thành công ty con của Công ty CP Công nghệ Tài chính Encapital, số lượng tài khoản đã tăng 3.321% - một con số ấn tượng.

	2019	2019	2020	2021	2022
Số tài khoản khách hàng	4.441	4.556	5.548	44.727	189.845
Số tài khoản hoạt động	626	589	1.115	8.245	20.495
Số tài khoản mở mới	524	115	992	39.179	145.118
Tỉ lệ khách hàng hoạt động	14,1%	12,9%	20,1%	18,4%	10,8%

Số lượng tài khoản mở mới duy trì đà tăng trong suốt năm 2022, mặc cho thị trường khó khăn, nhờ nỗ lực không ngừng cải thiện và phát triển thêm nhiều tính năng cũng như giao diện, kiên định với mục tiêu “Đơn giản hóa đầu tư cho người Việt”. Đặc biệt tháng 3/2022, số lượng tài khoản mở mới tại DNSE chiếm hơn 16% thị phần toàn thị trường.

Trước những thông tin không tích cực và nhiều giai đoạn thị trường đi vào tình trạng khó khăn của năm 2022, tỉ lệ tài khoản hoạt động (active account) của DNSE trong năm 2022 giảm đi đáng kể.

Tuy nhiên số lượng tài khoản hoạt động vẫn tăng gần 2,5 lần so với năm 2021. Điều này cho thấy DNSE đang dần ghi dấu ấn của mình trên thị trường và ngày càng thu hút các nhà đầu tư mới.

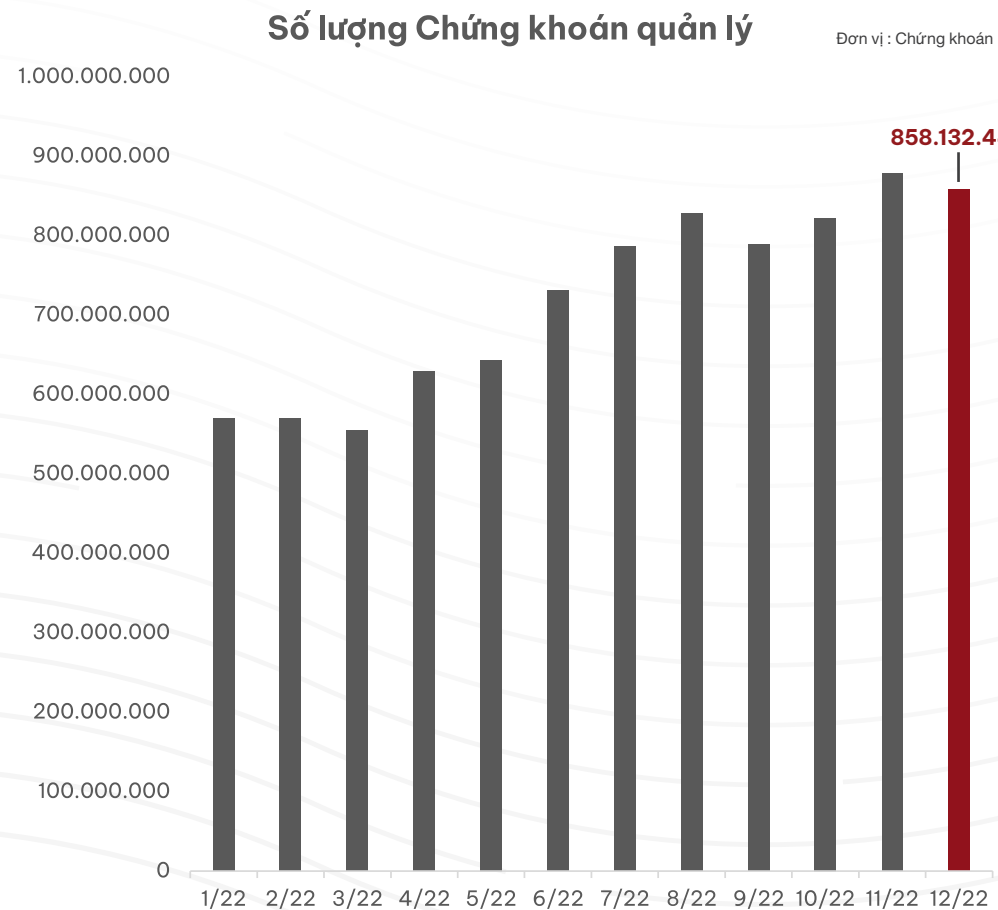


### Tăng trưởng số lượng chứng khoán quản lý

Trong 2 năm qua, DNSE tập trung phát triển các sản phẩm, tính năng chứng khoán số trên Entrade X, trong đó có dịch vụ chuyển tiền thông qua tài khoản định danh (Virtual Account). DNSE là công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam ứng dụng công nghệ tài khoản định danh và tính đến hết năm 2022, DNSE đã kết nối thu chi hộ với 8 ngân hàng top đầu thị trường, giúp khách hàng trải nghiệm nộp rút tiền 24/7 với thời gian xử lý tính bằng giây.

Trong năm 2022, hệ thống quản trị rủi ro theo từng giao dịch, từng mã chứng khoán lần đầu tiên có mặt trên thị trường với tên gọi Margin Deal. Phương thức này đã thay đổi hoàn toàn cách thức quản trị truyền thống của thị trường chứng khoán Việt Nam. Theo đó, khách hàng được quyền tùy chỉnh tỉ lệ và thời điểm vay ký quỹ (margin) cho riêng từng lệnh mua theo nhu cầu, thay vì vay cho toàn bộ danh mục như hình thức truyền thống. Khách hàng được hưởng các mức lãi suất khác nhau, tùy theo đánh giá mức độ rủi ro của mã cổ phiếu, với lãi suất thấp nhất thị trường, chỉ từ 5,99%. Không chỉ vậy, phương thức này còn giúp khách hàng quản lý hiệu quả đầu tư minh bạch hơn thông qua giá hòa vốn đã được tính mọi thuế, phí, lãi vay ngay khi khách hàng khớp lệnh.

**Tất cả tạo nên sự tin tưởng và đồng hành của khách hàng với số lượng chứng khoán quản lý tính đến hết tháng 12/2022 là hơn 858 triệu chứng khoán, tăng hơn 50% so với tháng 1/2022.**



### Thuộc top 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất HNX

Quý II/2022, DNSE đứng vị trí thứ 6 trong top 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất HNX. Với thị phần 3,79%, DNSE xếp ngay sau những cái tên quen thuộc trên thị trường. Tiêu biểu vào tháng 6/2022, thị phần tại HNX của DNSE là 8,79%. Với những nỗ lực đẩy mạnh dịch vụ khách hàng, DNSE đang dần khẳng định vị trí, vươn lên chiếm lĩnh thị phần.

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán 2023 dự kiến sẽ đón thêm các đợt sóng tiếp nối, DNSE vững vàng đón sóng thông qua nền tảng vốn vững chắc, hệ thống sản phẩm đầy đủ, hoàn thiện. Bên cạnh chứng khoán cơ sở, sản phẩm chứng khoán phái sinh cũng sẽ được ra mắt để phục vụ nhà đầu tư. Ngày 05/09/2022, DNSE nhận được Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh do Chủ tịch UBCKNN cấp. Hệ thống, nhân sự để triển khai sản phẩm đã được DNSE chuẩn bị chu đáo để đảm bảo giao dịch ổn định, mượt mà.

Mục tiêu 2023 đặt ra đầy thách thức, đồng thời cũng là cơ hội để DNSE thể hiện nội lực mạnh mẽ.

Chỉ tiêu	Chứng khoán cơ sở	Chứng khoán phái sinh
Tổng số lượng tài khoản lũy kế	854.591	73.430
Số lượng tài khoản active	73.419	2.525
Giá trị giao dịch/tháng	9.039 tỷ đồng	557.852 hợp đồng
Thị phần	2,9%	15,2%

Nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng, mọi thao tác, giao dịch trên ứng dụng Entrade X vẫn đang được hoàn thiện, phát triển theo hướng tinh giản, thuận tiện. Yêu cầu hỗ trợ khách hàng cũng được phân hồi chính xác, ngắn gọn, nhanh chóng từ đội ngũ chăm sóc khách hàng tận tâm.



### Hoạt động Sản phẩm tài chính

Năm 2022 chứng kiến tăng trưởng kinh tế Việt Nam cao nhất trong vòng 12 năm qua, nhưng đối với thị trường chứng khoán Việt Nam lại là năm giảm mạnh cả về điểm số lẫn giá trị giao dịch và khối lượng giao dịch. Dù thế, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn được kì vọng sẽ tăng trưởng mạnh mẽ trong dài hạn.

Theo đà phát triển của kinh tế và thị trường chung, dù đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức, năm 2022, DNSE đã phát huy thế mạnh công nghệ, tập trung nguồn lực và phát triển xây dựng hệ thống sản phẩm tài chính khác biệt, đem lại cách quản trị minh bạch, hiệu quả dành cho khách hàng sử dụng các sản phẩm có đòn bẩy tài chính, tiếp tục duy trì các sản phẩm này là cốt lõi đem lại doanh thu lớn cho công ty và thúc đẩy thị phần giao dịch.



Sản phẩm giao dịch ký quỹ được xây dựng dựa trên hệ thống quy chế, quy trình và các tiêu chí được cập nhật định kỳ, thường xuyên, đảm bảo các tuân thủ quy định của UBCKNN. Hoạt động cho vay ký quỹ hoàn toàn nằm trong phạm vi kiểm soát rủi ro chặt chẽ nhờ sự phối hợp kiểm tra kiểm soát nhiều vòng của các bộ phận Sản phẩm tài chính, Quản trị rủi ro, Kế toán tài chính và rà soát hậu kiểm định kỳ của Kiểm toán nội bộ cùng Kiểm soát nội bộ. Danh mục giao dịch ký quỹ được quản lý và theo dõi chặt chẽ phù hợp với diễn biến của thị trường.

Doanh thu từ cho vay giao dịch ký quỹ năm 2022 tăng đột biến gần 6 lần so với năm 2021, từ hơn 35,2 tỷ lên gần 211 tỉ đồng, đóng góp 45% trong tổng doanh thu năm 2022 của DNSE. Sự tăng trưởng mạnh mẽ đến từ việc mở rộng nguồn vốn chủ sở hữu, xây dựng hệ thống sản phẩm tài chính hiệu quả, hấp dẫn và cách áp dụng công nghệ trong việc tối ưu hóa trải nghiệm của khách hàng giao dịch tại DNSE. Tăng trưởng cho vay giao dịch ký quỹ luôn là một trong những mục tiêu phát triển của DNSE xuyên suốt các thời kỳ.

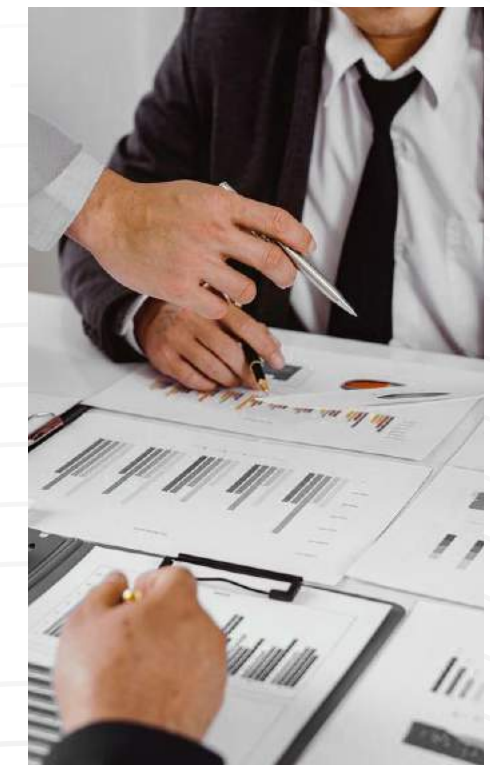
Theo kế hoạch, năm 2023, DNSE tiếp tục xây dựng và hoàn thiện dự án sản phẩm tài chính với cấu trúc đa dạng về nguồn cho vay, lãi suất và phí giao dịch linh hoạt, phù hợp với nhu cầu của các tệp khách hàng khác nhau, tối ưu hóa được cơ hội đầu tư của thị trường và khách hàng. Đồng thời tiếp tục xây dựng hệ thống nhận diện khách hàng và sàng lọc cổ phiếu thông minh, chuẩn xác để gia tăng chất lượng cho vay giao dịch ký quỹ hiệu quả.

### Hoạt động Dịch vụ ngân hàng đầu tư

#### Xây dựng uy tín, mở rộng đối tác, nâng cao chất lượng sản phẩm

Hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm cung cấp cho nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, năm 2022, DNSE đã có những bước tập trung mới trong mảng Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư dành cho khách hàng doanh nghiệp.

Với vai trò là một định chế tài chính trung gian kết nối và tạo dòng chảy vốn xuyên suốt trên thị trường, DNSE tham gia thực hiện các nghiệp vụ tư vấn, đại lý phát hành trái phiếu, cổ phiếu cho một số doanh nghiệp niêm yết giúp giải quyết bài toán khó khăn về vốn, thanh khoản, các kênh đầu tư để tối ưu nguồn vốn và dòng tiền. Trong giai đoạn đầu năm 2022, DNSE là tổ chức tư vấn và đại lý phát hành thành công hơn 850 tỷ trái phiếu riêng lẻ ngắn hạn cho một số tổ chức như: Công ty Cổ phần Encapital Holdings, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc gia, phát hành thành công trái phiếu chuyển đổi Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (HAX) giá trị 180 tỷ đồng... Giai đoạn nửa cuối năm, công ty đẩy mạnh mảng hoạt động tư vấn tài chính, tư vấn chào bán cổ phiếu với các đối tác: CTCP Cấp nước Phú Mỹ (PMW) chào bán 7 triệu cổ phiếu ra công chúng và tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu – nâng vốn điều lệ lên gần 500 tỷ đồng.

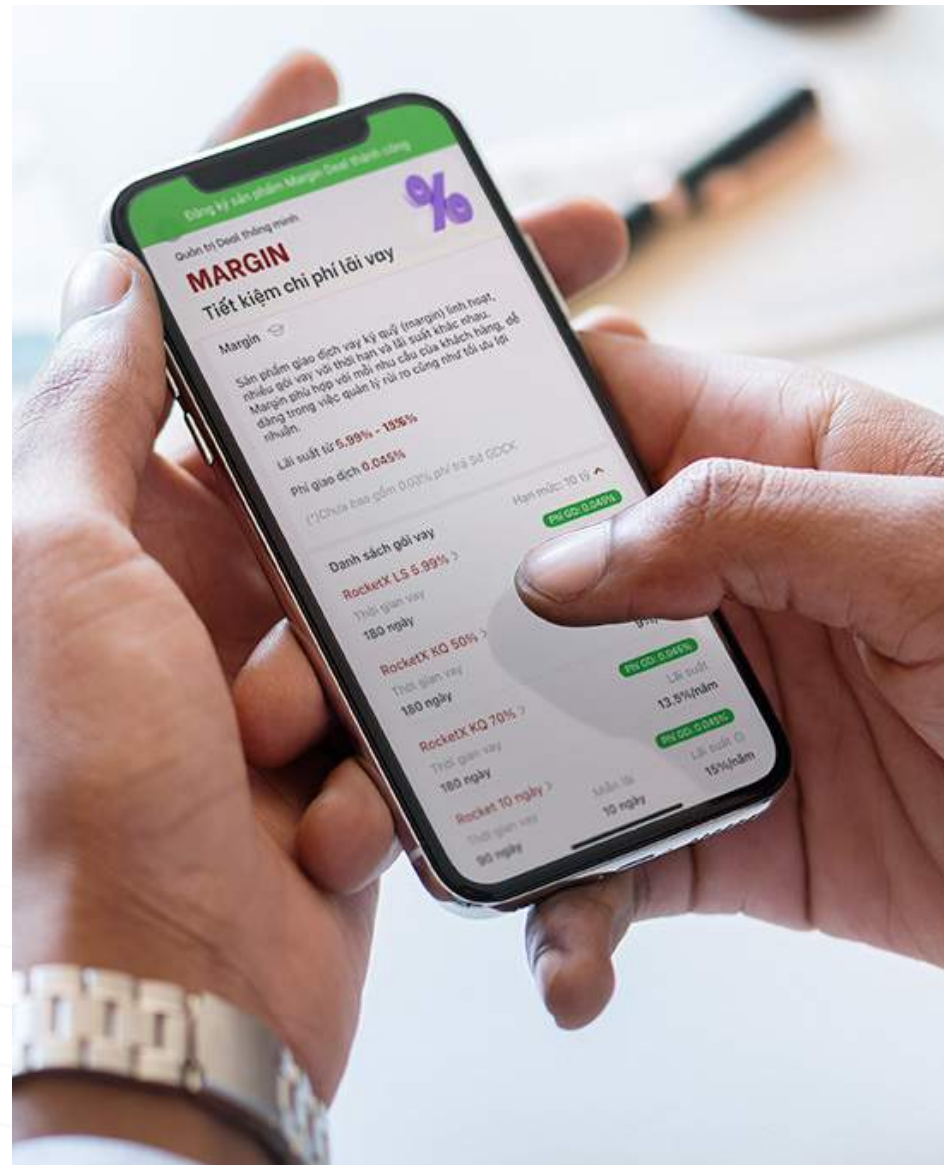


Bối cảnh kinh tế và thị trường chứng khoán được dự báo nhiều tiêu cực trong năm 2023 khiến các nhà đầu tư có tâm lý e dè trước các hoạt động kêu gọi vốn, tuy nhiên đây cũng chính là thời điểm mà các tổ chức cần huy động vốn mạnh mẽ, tìm kiếm các đối tác chiến lược và quản trị sức khỏe tài chính doanh nghiệp nhằm duy trì hoạt động. DNSE cam kết sẽ tiếp tục nỗ lực và đồng hành cùng doanh nghiệp theo đúng phương châm “đem lại hiệu quả và giá trị cao nhất cho khách hàng”. Với mạng lưới đối tác trong và ngoài nước sâu rộng cùng đội ngũ nhân sự nhiều kinh nghiệm, khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư DNSE sẽ tiếp tục cung cấp đa dạng sản phẩm, dịch vụ tài chính uy tín, kết nối tạo ra nhiều cơ hội về vốn cho khách hàng trong năm 2023.



### Hoạt động Công nghệ

Sau khi hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng và nền tảng giao dịch trong hai năm 2020-2021, năm 2022, DNSE đã hiện thực hoá tầm nhìn "Công nghệ là cốt lõi phát triển" và triển khai thành công nhiều sản phẩm công nghệ đột phá, vượt kế hoạch đề ra. Quân số CBNV đội ngũ công nghệ năm 2022 cũng đã tăng gấp hai lần năm 2021 để đáp ứng nhu cầu phát triển.



**Với sản phẩm giao dịch chứng khoán cơ sở, DNSE đưa ra thị trường sản phẩm Quản trị giao dịch thông minh Margin Deal, với phương thức quản lý danh mục theo Deal hoàn toàn mới.**

Khách hàng có thể thoải mái lựa chọn sản phẩm tài chính phù hợp (tỷ lệ ký quỹ, phí giao dịch và lãi vay) theo nhu cầu cá nhân mà không cần phải chuyển đổi giữa các tiểu khoản. Thông qua Margin Deal, DNSE minh bạch hoá toàn bộ chi phí phát sinh trong quá

trình giao dịch, dễ dàng phân tích hiệu quả đầu tư trên từng lần giao dịch. Bằng việc quản trị danh mục trên từng mã và từng lần giao dịch, DNSE cũng triển khai tính năng quản trị rủi ro, thường gọi là Call Margin, hoàn toàn tự động theo biến động của thị trường, qua đó giúp cho khách hàng quản trị rủi ro trên từng mã, thay vì trên cả danh mục như hệ thống của các công ty khác. Việc bán giải chấp, thường gọi là Force Sell, từ đó được minh bạch hoá, deal nào chạm tỷ lệ thì xử lý deal đó, không ảnh hưởng đến các deal khác trong danh mục.

**Với sản phẩm giao dịch phái sinh, DNSE đã chạy đua cùng thời gian để hoàn thiện hệ thống Core chứng khoán phái sinh đáp ứng theo tiêu chuẩn về cả cơ sở vật chất và hệ thống phần mềm của VNX và HNX.**

DNSE sẽ triển khai sản phẩm giao dịch phái sinh rộng rãi tới khách hàng trong Quý I/2023 với nhiều tính năng giúp đơn giản hoá và tối ưu hoá trải nghiệm giao dịch phái sinh.

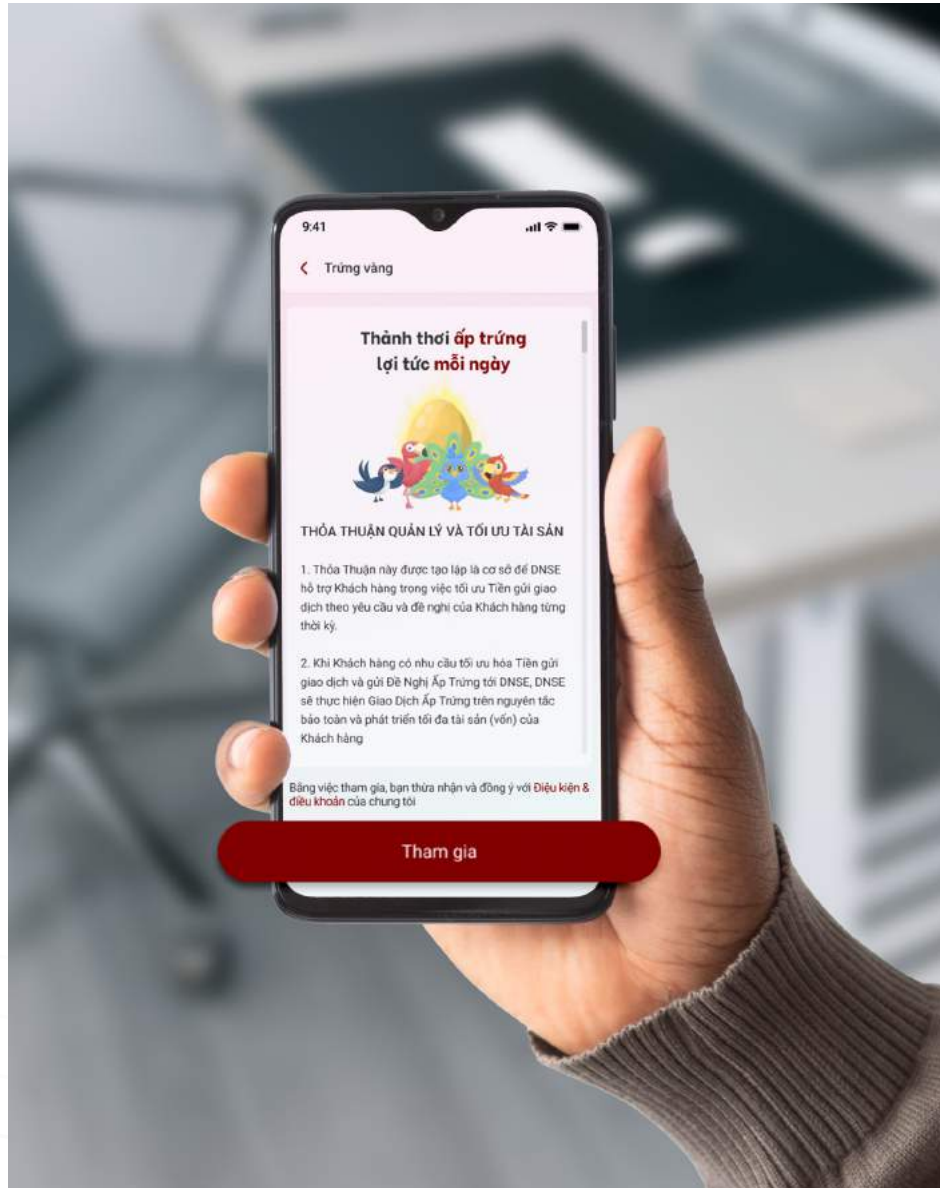


**Hiện thực hoá tầm nhìn đưa DNSE trở thành platform giao dịch chứng khoán thông qua hình thức B2B2C**, DNSE đã triển khai thành công trải nghiệm giao dịch chứng khoán "một chạm" trên giao diện FiinTrade Pro, nền tảng thông tin dữ liệu chứng khoán chuyên nghiệp của FiinTrade. Khách hàng sử dụng FiinTrade Pro có thể giao dịch mua bán trên tài khoản chính chủ tại Entrade X ngay trực tiếp trên FiinTrade mà không cần chuyển qua hệ thống DNSE, tiện lợi và hoàn toàn bảo mật. Với bước tiến

này, DNSE là công ty chứng khoán đầu tiên triển khai thành công sản phẩm giao dịch một chạm trên thị trường. DNSE cũng đang trong các công đoạn cuối cùng để triển khai sản phẩm giao dịch chứng khoán Entrade X trên nền tảng ZaloPay, tạo thuận lợi cho lượng khách hàng lớn của ZaloPay dễ dàng tiếp cận với đầu tư chứng khoán bằng việc mở tài khoản, nộp rút tiền, giao dịch mua bán trực tiếp trên nền tảng ZaloPay, thông qua tài khoản chính chủ tại Entrade X. Dự kiến sản phẩm này sẽ triển khai chính thức vào Quý II/2023.







**Năm 2022, trong điều kiện thị trường bất lợi, DNSE đã phát triển sản phẩm Trứng Vàng, giúp các nhà đầu tư tối ưu lợi suất từ tiền đầu tư với lợi tức cao và kỳ hạn linh hoạt.** Trên nền tảng sản phẩm Trứng Vàng, cuối năm 2022, DNSE cũng phát triển tính năng Gift X, cho phép khách hàng tặng quà cho người thân và bạn bè qua hình thức tặng Trứng Vàng, kèm theo nội dung lời chúc sáng tạo trên nền thiệp được thiết kế riêng độc đáo. Người nhận Gift X vừa nhận được quà và vừa được nhận lợi tức trên quà.

**DNSE cũng chú trọng ứng dụng công nghệ trong việc số hoá quy trình vận hành nội bộ, nhằm nâng cao năng suất, chất lượng lao động cho CBNV.** Năm 2022, DNSE đã triển khai thành công Hệ thống chăm sóc khách hàng tập trung dựa trên nền tảng mã nguồn mở Chatwoot, giúp bộ phận Dịch vụ Khách hàng - Customer Love - có thể chăm sóc khách hàng đa kênh trên một giao diện; Hệ thống quản trị Kế toán và Hệ thống quản trị khoản vay dựa trên nền tảng Odoo, hỗ trợ bộ phận Kế toán và Nguồn vốn đơn giản hoá vận hành và quy trình; Hệ thống tracking người dùng giúp phòng Marketing thu thập được số liệu và đánh giá hiệu quả các chiến dịch.

**Năm 2022, DNSE cũng bước đầu xây dựng và triển khai nền tảng Môi giới ảo thông minh – AI Broker,** sản phẩm ứng dụng dữ liệu, bước đầu tối ưu hoá mảng tin tức, giúp nhà đầu tư tiếp cận được tin nóng, tổng hợp báo cáo tài chính của các công ty một cách rõ ràng, súc tích, dễ xem, từ đó đưa ra các ý tưởng đầu tư và quyết định giao dịch tốt hơn. Cùng với đó, nền móng của cơ sở dữ liệu tập trung Data Warehouse cũng được xây dựng, nhằm đơn giản hoá việc tiếp cận dữ liệu, để Ban Lãnh đạo và các phòng ban có thể tận dụng phân tích, lên chiến lược sản phẩm, đánh giá hiệu quả kinh doanh dễ dàng, nhanh chóng.

Cùng với các sản phẩm trên, năm 2022, DNSE cũng đã thực hiện thiết kế và nâng cấp ứng dụng di động Entrade X và nền tảng website Entrade X dựa trên các nghiên cứu trải nghiệm người dùng và khảo sát ý kiến khách hàng trực tiếp sử dụng sản phẩm. Năm 2023, DNSE đặt mục tiêu tiếp tục thực hiện nghiên cứu tâm lý và sở thích khách hàng và ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào việc phát triển các tính năng, để ứng dụng Entrade X ngày càng đẹp, tiện dụng, nhanh gọn, hiệu quả, thân thiện với nhà đầu tư.

**Năm 2023 sẽ là năm đầy hứa hẹn với hoạt động công nghệ của DNSE với hàng loạt các sản phẩm mới mẻ, khác biệt, dẫn đầu xu hướng đang được phát triển và chuẩn bị ra mắt.**



# 3. Tình hình Tài chính

## THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 2018-2022

Đơn vị tính: Triệu đồng

1. Kết quả kinh doanh	2022	2021	2020	2019	2018
<b>Doanh thu</b>	466.943	186.610	21.848	18.501	27.637
Trong đó: Doanh thu từ hoạt động môi giới	84.848	90.034	6.809	5.084	10.163
<b>Chi phí hoạt động</b>	304.562	100.603	12.021	12.363	15.712
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	94.924	68.126	2.825	75	5.598
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	77.763	54.470	2.152	(112)	4.464
2. Bảng cân đối kế toán					
<b>Tổng tài sản</b>	6.409.145	2.315.226	187.309	176.592	164.730
<b>Vốn điều lệ</b>	3.000.000	1.000.000	160.000	160.000	160.000
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	3.136.361	1.058.568	164.087	161.935	162.047

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2022

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022		
	Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch(%)
<b>Tổng doanh thu</b>	466,94	956	49%
<b>Tổng chi phí</b>	372,02	602	62%
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	94,92	354	27%

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	% +/-
<b>Tổng giá trị tài sản</b>	6.409.145	2.315.226	176,83%
<b>Doanh thu thuần</b>	452.088	180.691	150,20%
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	84.954	63.170	34,49%
<b>Lợi nhuận khác</b>	9.970	4.956	101,16%
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	94.924	68.126	39,34%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	77.763	54.470	42,76%

## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	2022	2021	% tăng, giảm
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
<b>Hệ số thanh toán ngắn hạn</b>	1,659	1,820	-9%
<b>Hệ số thanh toán nhanh</b>	1,659	1,820	-9%
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
<b>Hệ số nợ/ tổng tài sản</b>	0,5106	0,5428	-6%
<b>Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu</b>	1,0435	1,1871	-12%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
<b>Doanh thu thuần/Tổng tài sản</b>	0,0705	0,0780	-10%
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	3.136.361	1.058.568	164,087
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
<b>Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</b>	0,1720	0,3015	-43%
<b>Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu</b>	0,0248	0,0515	-52%
<b>Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản</b>	0,0121	0,0235	-48%
<b>Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần</b>	0,1879	0,3496	-46%

## TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	12/31/2022	1/1/2022
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	5.429.789	2.284.353
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	431.936	21.022
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	2.478.477	966.964
<b>Các khoản cho vay</b>	2.240.791	1.192.495
<b>Các khoản phải thu</b>	250.466	101.639
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	28.120	2.232
<b>Tài sản dài hạn</b>	979.355	30.874
<b>Tài sản tài chính dài hạn</b>	920.609	-
<b>Tài sản cố định</b>	41.706	19.731
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	17.041	11.143
<b>Tổng cộng tài sản</b>	6.409.145	2.315.226

## TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	12/31/2022	1/1/2022
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	3.272.784	1.255.363
<b>Vay ngắn hạn</b>	2.584.843	1.103.860
<b>Trái phiếu phát hành ngắn hạn</b>	150.000	120.000
<b>Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán</b>	1.781	3.042
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	359	241
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	160	105
<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	16.236	16.276
<b>Phải trả người lao động</b>	6.651	6.625
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	7.804	3.509
<b>Các khoản phải trả ngắn hạn khác</b>	504.949	1.704
<b>Nợ dài hạn</b>		1.295
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>		1.295
<b>Tổng nợ phải trả</b>	3.272.784	1.256.658



# 05

## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2023

Nâng tầm công nghệ

Chia sẻ cơ hội - Đẩy mạnh thị phần

Hoàn thiện, tối ưu hệ sinh thái sản phẩm tài chính

Quản lý

**850.000**

TÀI KHOẢN CHỨNG KHOÁN



Dư nợ margin đạt

**5.600**

TỶ ĐỒNG

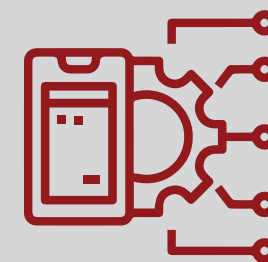


**TOP 5 thị phần  
Chứng khoán  
Phái sinh**

Tích hợp

**Entrade X**

VÀO CÁC NỀN TẢNG DỮ LIỆU, TƯ VẤN  
TRÊN THỊ TRƯỜNG



Tích cực triển khai

**Quản lý  
quan hệ  
khách hàng**

**Nâng tầm  
công nghệ**

TỐI ƯU TRẢI NGHIỆM  
NGƯỜI DÙNG

Đa dạng hóa

**Sản phẩm tài chính**

HOÀN THIỆN HỆ SINH THÁI SẢN PHẨM

Đẩy mạnh hoạt động  
dịch vụ

**Ngân hàng  
Đầu tư**



# 1. Nâng tầm công nghệ

Làn sóng công nghệ trong lĩnh vực tài chính (fintech) vẫn đang lan tỏa mạnh mẽ, là xu hướng tất yếu của thời đại 4.0. Sự vận động không ngừng của fintech đã và đang mang tới những sự đổi mới, sáng tạo làm thay đổi bộ mặt của hệ thống tài chính – chứng khoán truyền thống với việc số hóa mọi giao dịch, thay đổi hoàn toàn thói quen của nhà đầu tư trên thị trường.

Trong 3 năm qua, việc kiên định theo đuổi hướng đi khác biệt – mô hình fintech, lấy công nghệ làm cốt lõi đã giúp DNSE đạt được kết quả tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận và số lượng tài khoản mở mới tăng ấn tượng.

Năm 2022, DNSE đã hoàn thiện hệ thống sản phẩm nền tảng, đồng thời đánh dấu những bước tiến công nghệ đột phá, khi ra mắt được hệ thống sản phẩm cốt lõi, trong đó, nổi bật là hệ thống quản trị theo từng giao dịch (Margin Deal) và Môi giới ảo (AI Broker), kỳ vọng thay đổi cách thức giao dịch truyền thống, mang lại lợi thế cạnh tranh nhờ việc hỗ trợ nhà đầu tư quản trị rủi ro và giao dịch chủ động.

Đặc biệt, giới chuyên gia nhận định, 2023 sẽ là năm trí tuệ nhân tạo bứt phá và trở thành xu hướng nổi bật trong lĩnh vực công nghệ. Theo nghiên cứu của Tập đoàn dữ liệu quốc tế (IDC), trong năm 2023, chính phủ các nước trên thế giới và doanh nghiệp sẽ đầu tư đến 500 tỷ USD vào công nghệ AI. Thị trường AI toàn cầu năm nay cũng được dự đoán sẽ phát triển vượt mức 50 tỷ USD.

**Đón đầu xu thế thị trường, năm 2023, tính năng AI Broker tiếp tục được DNSE phát triển, cải tiến, trở thành trợ thủ đắc lực, cung cấp thông tin nhanh chóng, đơn giản, minh bạch, được cá nhân hóa theo nhu cầu khách hàng, giúp nhà đầu tư giao dịch chủ động, hiệu quả.**

DNSE sẽ tập trung tận dụng công nghệ AI, chú trọng chi tiết trải nghiệm để Entrade X không chỉ là ứng dụng đầu tư chứng khoán hiệu quả mà còn khiến việc đầu tư trở nên đơn giản, thú vị và giàu cảm xúc với từng khách hàng.

Đồng thời, kiên trì với sứ mệnh “Đơn giản hóa đầu tư cho người Việt” và tầm nhìn “Kết nối nguồn vốn thông qua công nghệ”, việc đi sâu nghiên cứu, cải tiến toàn diện các tính năng, sản phẩm tài chính ứng dụng công nghệ sẽ tiếp tục được DNSE đặt làm trọng tâm phát triển.

Với định hướng đặc biệt này, DNSE quyết tâm bước thêm những bước tiến nâng tầm công nghệ, thể hiện vai trò tiên phong dẫn dắt thị trường Chứng khoán số Việt Nam.



# 2. Chia sẻ cơ hội – Đẩy mạnh thị phần



Trong bối cảnh cuộc chiến thị phần trên thị trường chứng khoán ngày càng khốc liệt, mô hình “Miễn phí giao dịch trọn đời” không còn là lợi thế độc quyền, DNSE sẽ đồng loạt triển khai nhiều chiến lược nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng tệp khách hàng lên 850.000 người trong năm 2023. Các chương trình ưu đãi, tặng thưởng dưới những hình thức mới lạ, phong phú hơn trên app Entrade X sẽ được chú trọng.

Tiếp nối lộ trình đưa thương hiệu DNSE tới gần hơn với đại chúng, 2023, DNSE sẽ triển khai mạnh mẽ, sâu rộng hơn các nội dung truyền thông – marketing. Trong đó, một trong các hoạt động điểm nhấn là talkshow “Vượt sóng”, phát sóng trên các nền tảng truyền thông đa phương tiện, từ đó tạo ra sự liên kết chặt chẽ giữa bối cảnh thị trường 2023 với tinh thần chủ đạo của DNSE trong năm – “Vượt Sóng”. Đồng thời đẩy mạnh truyền thông – marketing trên các kênh truyền hình, báo chí uy tín, youtube, Cộng đồng facebook, tiktok... để tiếp cận đa dạng các đối tượng khách hàng.

Bên cạnh đó, để đẩy nhanh tiến trình mở rộng thị phần, việc hợp tác B2BB2C, “nhúng” Entrade X vào các nền tảng dữ liệu, tư vấn tài chính uy tín trên thị trường là chiến lược DNSE sẽ tập trung mạnh mẽ trong năm tới, nhằm khai thác tệp khách hàng mới và mang đến những lợi ích đặc biệt cho nhà đầu tư.

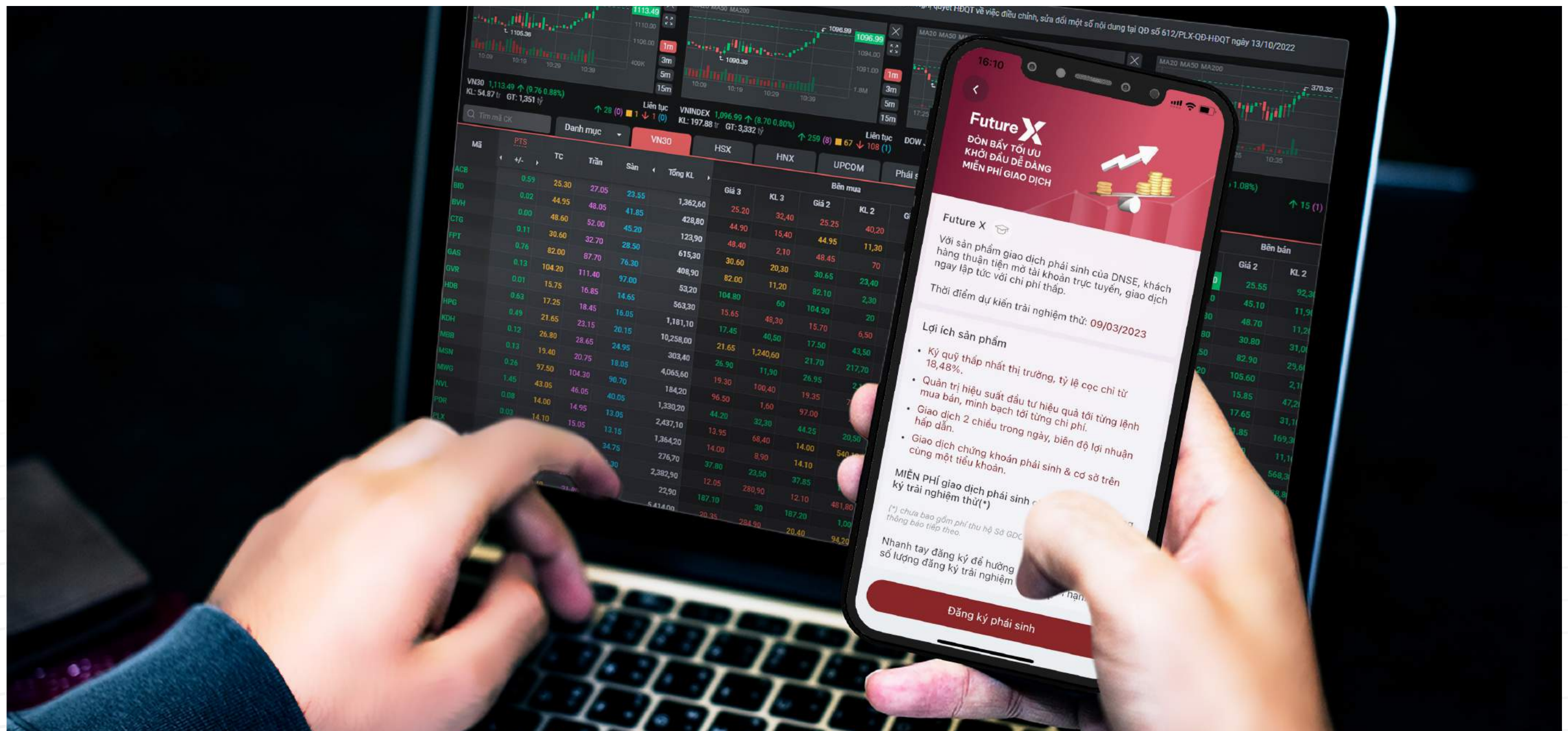
Chỉ tiêu	ENTRADE X
Tổng số lượng tài khoản lũy kế	854.591
Số lượng tài khoản active	73.419
NAV (tỷ đồng)	37.767
Thị phần	2,9%



# 3. Hoàn thiện, tối ưu hệ sinh thái sản phẩm tài chính

Nối tiếp lộ trình phát triển kinh doanh, tăng sức cạnh tranh cho nền tảng Entrade X, năm 2023, DNSE sẽ tập trung hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm tài chính – chứng khoán, bao gồm sản phẩm phái sinh, chứng quyền, các sản phẩm phát triển mới, các tiện ích nâng cao, các sản phẩm phục vụ mảng khách hàng doanh nghiệp...

Trong đó, sản phẩm giao dịch chứng khoán phái sinh sẽ được ra mắt trên Entrade X trong Quý I/2023, mang đến cho nhà đầu tư một nền tảng chứng khoán đầy đủ, đồng bộ, được cập nhật những tiện ích và chính sách tài chính ưu việt nhất, hỗ trợ khách hàng trong hành trình đầu tư.





# 06

## QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Báo cáo Hội đồng quản trị

Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát

Hoạt động quản trị rủi ro

# 1. Báo cáo Hội đồng quản trị

Trong năm 2022, Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE đã thực hiện và đạt được nhiều kết quả tích cực, cụ thể:

## Về vốn kinh doanh

- DNSE được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thông qua việc chào bán cổ phần và hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ vào ngày 13/05/2022 và trở thành một trong những công ty chứng khoán (CTCK) có vốn điều lệ lớn nhất trên thị trường.
- Kết thúc năm 2022, công ty đã phát hành thành công một đợt trái phiếu riêng lẻ với tổng giá trị phát hành 150 tỷ đồng để bổ sung nguồn vốn kinh doanh. Đồng thời, DNSE đã mở rộng quan hệ đối tác với 14 chi nhánh ngân hàng, nâng tổng hạn mức tín dụng lên hơn 8.000 tỷ đồng để đảm bảo luôn sẵn sàng phục vụ các hoạt động của công ty.

## Về hoạt động kinh doanh

- Từng bước hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm: DNSE được các Cơ quan Nhà nước cấp Quyết định chấp thuận thành viên giao dịch; chấp thuận cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán; chấp thuận hoạt động ủy quyền lưu ký chứng khoán tại chi nhánh TP Hồ Chí Minh; được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch Chứng khoán phái sinh;
- Nâng cao chất lượng sản phẩm lấy nền tảng trọng tâm là công nghệ: Phát triển thành công các sản phẩm phục vụ cho hệ thống giao dịch chứng khoán trực tuyến: ra mắt hệ thống quản trị theo từng giao dịch đầu tiên trên thị trường Việt Nam (Margin Deal); phát triển các sản phẩm mới, nhiều tính năng độc đáo, nổi bật là Môi giới ảo (AI Broker); Gift X...
- Tăng trưởng về tài khoản mở mới: DNSE có thêm hơn 120.000 tài khoản chứng khoán, tăng trưởng 227% so với năm 2021 và chiếm 5,6% thị phần số tài khoản nhà đầu tư mở mới toàn thị trường. Đến hết năm 2022, tổng số lượng tài khoản chứng khoán tại DNSE đạt hơn 189.000 tài khoản, tương đương với khối lượng chứng khoán quản lý đạt gần 1 tỷ chứng khoán.
- Tăng trưởng đáng kể về thị phần môi giới chứng khoán: Thị phần môi giới chứng khoán trong năm 2022 của DNSE trung bình đạt 0,78%, gấp 2 lần so với năm 2021 (0,38%). Đặc biệt, DNSE lần đầu tiên lọt top 10 và xếp thứ 6 trong top 10 CTCK có thị phần môi giới lớn nhất HNX Quý II/2022.

## Về kết quả kinh doanh

Năm 2022, HĐQT cũng đã tổ chức tổng cộng 21 cuộc họp định kỳ, bất thường để kịp thời đưa ra các quyết định/nghị quyết liên quan đến việc tổ chức và hoạt động của công ty, đồng thời bảo đảm việc ứng phó linh hoạt với các diễn biến của thị trường, với tỷ lệ thông qua và thống nhất cao, cụ thể là:

### Dư nợ ký quỹ cán mốc

**2.250** ▲  
TỶ ĐỒNG

Tăng **103%**  
So với đầu năm 2022

### Tổng tài sản đạt hơn

**6.409** ▲  
TỶ ĐỒNG

Tăng **177%**  
So với đầu năm 2022

### Doanh thu tăng

**2.5** ▲  
LẦN

So với năm 2021

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2022/NQ-DNSE-HĐQT	12/01/2022	Phương án phát hành chi tiết cổ phần chào bán tăng vốn 3.000 tỷ	100%
2	02/2022/NQ-DNSE-HĐQT	25/01/2022	Sửa đổi phương án phát hành chi tiết cổ phần chào bán tăng vốn 3.000 tỷ	100%
3	03/2022/NQ-DNSE-HĐQT	26/01/2022	Sửa đổi phương án phát hành chi tiết cổ phần chào bán tăng vốn 3.000 tỷ	100%
4	04/2022/NQ-DNSE-HĐQT	08/02/2022	Ủy quyền và hạn mức vay cho Tổng Giám đốc với các HĐ tín dụng, vay vốn của công ty	100%
5	05/2022/NQ-DNSE-HĐQT	09/02/2022	Đăng ký cung cấp dịch vụ Ứng trước tiền bán	100%
6	06/2022/NQ-DNSE-HĐQT	24/02/2022	Chốt quyền và chào bán cổ phần tăng vốn 3.000 tỷ	100%
7	07/2022/NQ-DNSE-HĐQT	18/03/2022	Ủy quyền và hạn mức vay cho Tổng Giám đốc với các HĐ tín dụng, vay vốn của công ty thay thế NQ 04/2022/NQ-DNSE-HĐQT	100%
8	08/2022/NQ-DNSE-HĐQT	28/03/2022	Phát hành trái phiếu riêng lẻ đợt 1 năm 2022	100%
9	09/2022/NQ-DNSE-HĐQT	29/03/2022	Kế hoạch họp ĐHĐCĐ thường niên 2022	100%
10	10/2022/NQ-DNSE-HĐQT	07/04/2022	Xử lý cổ phiếu lẻ sau đợt chào bán tăng vốn 3.000 tỷ do các CBHH không thực hiện quyền mua	100%
11	11/2022/NQ-DNSE-HĐQT	07/04/2022	Kết quả chào bán cổ phần tăng vốn	100%
12	12/2022/NQ-DNSE-HĐQT	08/04/2022	Phê duyệt hạn mức đầu tư và ủy quyền phê duyệt cho Tổng Giám đốc	100%
13	13/2022/NQ-DNSE-HĐQT	21/04/2022	Giao dịch với bên liên quan	100%
14	14/2022/NQ-DNSE-HĐQT	11/05/2022	Ủy quyền Chi nhánh TP HCM hoạt động lưu ký	100%
15	15/2022/NQ-DNSE-HĐQT	18/05/2022	Ban hành Điều lệ mới DNSE	100%
16	15.1/2022/NQ-DNSE-HĐQT	18/05/2022	Đăng ký kinh doanh vốn điều lệ mới	100%
17	16/2022/NQ-DNSE-HĐQT	08/06/2022	Đăng ký nghiệp vụ Chứng khoán phái sinh	100%
18	17/2022/NQ-DNSE-HĐQT	01/07/2022	Điều chỉnh thu nhập của Tổng Giám đốc	100%
19	17A/2022/NQ-DNSE-HĐQT	30/09/2022	Phê duyệt hạn mức đầu tư và ủy quyền phê duyệt cho Tổng Giám đốc	100%
20	18/2022/NQ-DNSE-HĐQT	24/10/2022	Thay đổi địa điểm chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh	100%
21	19/2022/NQ-DNSE-HĐQT	19/12/2022	Thay đổi địa điểm chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh (sửa đổi)	100%

Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ và thường xuyên giám sát đối với hoạt động điều hành công ty của Ban Tổng Giám đốc, đặc biệt trong các vấn đề liên quan đến quá trình triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và HĐQT, bảo đảm tuân thủ đúng quy định tại Điều lệ của công ty, Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp.

Năm 2022, HĐQT đã bổ sung thêm 01 thành viên Hội đồng quản trị, nâng tổng số thành viên là 04 thành viên, đồng thời tổ chức lại cơ cấu HĐQT và quy định chức năng nhiệm vụ một cách rõ ràng hơn để nâng cao vai trò trong việc quản trị các lĩnh vực được giao. Trước định hướng và kế hoạch kinh doanh của DNSE trong năm 2023, HĐQT quyết định không nhận thủ lao hoạt động của năm 2022 để hỗ trợ công ty và tiếp tục đồng hành cùng các CBNV tạo ra giá trị cho cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng và các bên liên quan.



# Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

DNSE kết thúc năm 2022 với các số liệu tài chính như sau:

Đơn vị : tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	% so với kế hoạch 2022
Tổng doanh thu	956	466,94	49%
Tổng chi phí	602	372,02	62%
Lợi nhuận trước thuế	354	94,92	27%

Trong năm 2022, tổng doanh thu của DNSE là 466,94 tỷ đồng, đạt 49% so với kế hoạch và tăng 150% so với thực hiện năm 2021. Cùng với đó, lợi nhuận trước thuế thực hiện trong năm 2022 là 94,92 tỷ đồng, đạt 27% so với kế hoạch và tăng 214% so với thực hiện năm 2021. Mặc dù doanh thu và lợi nhuận trước thuế không đạt như kế hoạch đã đề ra nhưng cả hai chỉ tiêu này đều tăng trưởng vượt trội so với năm 2021. DNSE cũng là một trong số rất ít công ty chứng khoán trên thị trường có sự tăng trưởng tích cực trong năm 2022.

Qua việc giám sát và đánh giá sự tuân thủ, HĐQT thấy rằng: Ban điều hành đã hoàn thành tốt vai trò điều hành hoạt động kinh doanh của công ty theo đúng mục tiêu, định hướng và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã nỗ lực để hoàn thành kế hoạch kinh doanh do ĐHCĐ thông qua, tiếp tục thực hiện tốt việc xây dựng môi trường kinh doanh trên nền tảng phát triển bền vững, nâng cao công tác quản trị công ty, thúc đẩy vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro. Trong quá trình điều hành, Tổng Giám đốc và Ban điều hành công ty đã tuân thủ đúng phân cấp quản trị tại Điều lệ, Quy chế quản trị cũng như các Nghị quyết, chỉ đạo của HĐQT.



# Mục tiêu và kế hoạch năm 2023

Trước những dự báo về triển vọng kinh tế và thị trường chứng khoán, HĐQT nhận định rằng năm 2023 vẫn tiếp tục là một năm đầy thách thức, nhưng đồng thời cũng là cơ hội để DNSE trụ vững và vươn lên mạnh mẽ bằng việc thực hiện tốt chiến lược kinh doanh, điều hành và quản trị rủi ro của công ty.

Với tôn chỉ ngay từ những ngày đầu thành lập, DNSE tiếp tục tập trung phát triển nền tảng công nghệ để mang lại giải pháp giao dịch thuận tiện nhất, ưu việt nhất, nhanh chóng nhất và tiết kiệm chi phí nhất cho khách hàng, các nhà đầu tư cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.

Mục tiêu và kế hoạch kinh doanh 2023 của DNSE cụ thể như sau:

Kế hoạch tài chính 2023	Doanh thu thuần	Chi phí	Lợi nhuận trước thuế
	<b>1.065</b> TỶ ĐỒNG	<b>888</b> TỶ ĐỒNG	<b>177</b> TỶ ĐỒNG

## Kế hoạch hoạt động

- Mở rộng hoạt động nguồn vốn:
  - Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động huy động vốn trong năm 2023;
  - Tăng cường quy mô cho vay margin
- Hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm DNSE trên nền tảng số
  - Triển khai trọng tâm các sản phẩm chứng khoán phái sinh
  - Xin cấp phép cung cấp sản phẩm tài chính – Chứng quyền DNSE
- Đẩy mạnh các hoạt động Ngân hàng đầu tư
- Thúc đẩy bán hàng
  - Phát triển trọng tâm kênh bán theo hướng B2B2C
  - Tối ưu CRM để phục vụ sản phẩm toàn diện nhất cho khách hàng

Song song với các kế hoạch cụ thể trong năm 2023, DNSE sẽ tiếp tục đa dạng mô hình kinh doanh để tối ưu được các giá trị về tài sản, vốn và cơ hội kinh doanh, đem lại lợi ích cao nhất cho cổ đông.

## 2. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát

### Đánh giá về các mục tiêu tài chính

Kết quả hoạt động kinh doanh của DNSE năm 2022 như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2022 (tỷ đồng)
Vốn điều lệ	3.000
Vốn chủ sở hữu	3.136,4
Tổng doanh thu	466,94
Lợi nhuận trước thuế	94,92

Với kết quả đạt được, Ban kiểm soát đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của DNSE trong năm 2022 là hiệu quả, các hoạt động được tổ chức cơ bản an toàn, đảm bảo hoạt động phát triển cũng như kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro của công ty.

### Đánh giá về hoạt động quản trị

Nhìn chung, các hoạt động của công ty đều tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Công ty cũng đã tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Năm 2022 cũng ghi nhận sự tích cực trong hoạt động của HĐQT và Ban điều hành mới trong việc triển khai phát triển kinh doanh, xây dựng đội ngũ điều hành và đội ngũ quản lý cấp trung.

### Đánh giá về hệ thống kế toán

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu về các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán, kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.

Ban Kiểm soát xác nhận các số liệu tài chính được đưa ra trong Báo cáo của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG là thể hiện trung thực tình hình kế toán tài chính hiện tại của công ty.

## 3. Hoạt động quản trị rủi ro

### Các loại rủi ro và công tác quản trị 2022



Sau một năm thăng hoa 2021, chỉ số VNINDEX tiếp tục duy trì ở đỉnh cao lịch sử trong 3 tháng đầu năm 2022. Tuy nhiên sau đó với một loạt các sự kiện nổi trội tiêu biểu về các vi phạm trong hoạt động giao dịch chứng khoán của các doanh nghiệp, những vi phạm nghiêm trọng về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và các sự kiện kinh tế vĩ mô khác, phần nào đã khiến TTCKVN liên tục giảm điểm, có những thời điểm thuộc top giảm sâu nhất thế giới. Tới ngày 27/12/2022, VNINDEX xuống còn 1.004,57 điểm, thấp hơn 34,2% so với mức điểm trên 1.520 điểm hồi đầu tháng 04.

Dù ghi nhận sự giảm điểm kỉ lục, số lượng tài khoản mở mới vẫn tăng đột biến, có tháng lên tới gần nửa triệu tài khoản được mở, đồng thời thị trường cũng ghi nhận những phiên có biến động khó lường, biên độ dao động đột biến.

Trong bối cảnh đó, năm 2022, DNSE đã xây dựng, hoàn thiện được một trong những tính năng chưa từng có tại bất cứ công ty chứng khoán nào khác: Quản trị rủi ro (QTRR) theo mã cổ phiếu. Tính năng này đem lại những lợi ích đặc biệt cho nhà đầu tư, giúp khách hàng chủ động quản trị rủi ro danh mục, nhận diện cổ phiếu giảm giá đúng thời điểm. Hệ thống thông minh xử lý rủi ro giúp công ty quản trị vay giao dịch ký quỹ hiệu quả, giúp khách hàng thích ứng được tốt hơn khi thị trường có những rủi ro đột biến.

Đồng thời trong năm 2022, hệ thống chính sách và quy trình QTRR tiếp tục được nâng cấp, cải thiện, sử dụng các công cụ quản trị tự động, nhằm đảm bảo hoạt động quản trị rủi ro phù hợp với thực tế hoạt động kinh doanh của công ty. Hoạt động QTRR được thực hiện xuyên suốt từ trên xuống dưới, ở tất cả các phòng ban, cá nhân kết hợp với sự giám sát, kiểm tra định kỳ thường xuyên từ các bộ phận QTRR, Kiểm soát nội bộ và Kiểm toán nội bộ.

Bộ phận QTRR được tổ chức, sắp xếp, sử dụng các công cụ, nền tảng hệ thống để đánh giá, phân loại chi tiết từng rủi ro để đảm bảo mức độ chuyên môn hóa cao.



# Quy trình quản trị rủi ro

## Nhận diện rủi ro

Dựa trên bối cảnh của nền kinh tế, các lĩnh vực hoạt động kinh doanh trọng yếu của công ty, bộ phận QTRR nhận diện và xác định các loại rủi ro có thể xảy ra, ảnh hưởng đến từng sản phẩm, dịch vụ, từng hoạt động nghiệp vụ chuyên biệt và các bộ phận của công ty. Từ đó xây dựng các công cụ và cách thức đo lường, giám sát rủi ro toàn diện.

Việc nhận diện rủi ro cần đảm bảo từ các rủi ro đơn lẻ đến các rủi ro liên đới mang tính hệ thống, có khả năng gia tăng xác suất tổn thất cho công ty.

## Đo lường rủi ro

Công tác đo lường rủi ro được thực hiện thường xuyên, định kỳ dựa trên các cơ sở phân tích, đánh giá ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của các loại rủi ro đối với mức độ an toàn vốn và khả năng đạt kế hoạch, mục tiêu kinh doanh cũng như quy mô hoạt động của DNSE theo các giai đoạn phù hợp.

DNSE xây dựng các phương pháp đo lường rủi ro bao gồm phương pháp định tính và phương pháp định lượng. Ưu tiên phương pháp định lượng để lượng hóa rủi ro. Các mô hình này có thể tính toán, ước lượng được giá trị rủi ro, cụ thể như giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán, giá trị rủi ro hoạt động, giá trị rủi ro thanh khoản và các giá trị rủi ro khác...

## Giám sát rủi ro

Trong từng mảng hoạt động kinh doanh, sản phẩm dịch vụ, DNSE xây dựng các chỉ số QTRR bao gồm và không hạn chế các chỉ số sau: Hạn mức rủi ro, hạn mức vốn, thẩm quyền phê duyệt, chỉ số an toàn, chỉ số cảnh báo, chỉ số xử lý và các ngưỡng hạn mức rủi ro.

Các yếu tố giám sát này được quy định trong khung phân quyền phê duyệt hạn mức và quản trị tự động bằng hệ thống công nghệ đem lại hiệu quả cao.

Việc giám sát QTRR được tiến hành thường xuyên liên tục tại mọi cấp từ nhân viên đến các cấp quản lý trên toàn hệ thống.

## Xử lý rủi ro

Sau khi xác định và tổng kết rủi ro, DNSE áp dụng các biện pháp xử lý rủi ro phù hợp với khẩu vị và năng lực rủi ro. Các biện pháp xử lý rủi ro bao gồm: Tránh rủi ro, giảm thiểu rủi ro, chia sẻ rủi ro và chấp nhận rủi ro. Đồng thời xây dựng kế hoạch xử lý rủi ro trong đó nêu rõ trách nhiệm của các bộ phận liên quan đến việc tổ chức triển khai.

## Báo cáo rủi ro

Trường các phòng ban/ bộ phận nghiệp vụ phải đảm bảo tính chính xác và tính phù hợp của hệ thống báo cáo QTRR theo quy định của pháp luật, quy định của cơ quan quản lý, quy định của DNSE theo từng thời kỳ, đồng thời gửi cho bộ phận QTRR định kỳ, hàng ngày, bất thường.

Bộ phận QTRR gửi báo cáo độc lập tới Ban Tổng Giám đốc định kỳ, hàng ngày hoặc bất thường diễn ra theo sự vụ.

# Các loại rủi ro và công tác quản trị 2022

Trong hoạt động kinh doanh của DNSE, các loại rủi ro trọng yếu được nhận diện bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro pháp lý, rủi ro thanh khoản và rủi ro hoạt động.

## Rủi ro thị trường

là rủi ro làm thay đổi giá trị tài sản mà DNSE đang sở hữu (nắm giữ) theo chiều hướng bất lợi.

### Danh mục tài sản mà DNSE sở hữu bao gồm nhưng không hạn chế các loại tài sản sau:

- Danh mục chứng khoán mà DNSE nhận làm tài sản đảm bảo khi cung cấp các dịch vụ tài chính và các sản phẩm khác;
- Danh mục chứng khoán mà DNSE đầu tư;
- Danh mục các tài sản khác mà DNSE nắm giữ, đầu tư;

### Đối với từng sản phẩm, DNSE thực hiện công tác quản trị rủi ro như sau:

- Đối với nghiệp vụ đầu tư tiền gửi: DNSE xây dựng hệ thống đánh giá định kỳ định mức tín nhiệm đối với các ngân hàng, định chế tài chính
- Đối với nghiệp vụ cho vay giao dịch ký quỹ:
  - » Danh mục cho vay giao dịch ký quỹ được xây dựng theo nguyên tắc minh bạch và điều chỉnh theo điều kiện của thị trường và của cổ phiếu nói riêng để xác định tỷ lệ cho vay giao dịch ký quỹ. Việc xây dựng và phê duyệt danh mục cho vay độc lập với hoạt động kinh doanh để đảm bảo tính độc lập và minh bạch, tuy nhiên vẫn tham khảo ý kiến từ bộ phận kinh doanh để đảm bảo tính cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu kinh doanh;
  - » Xây dựng các chỉ số hạn mức rủi ro, chỉ số an toàn, chỉ số cảnh báo, chỉ số xử lý đối với từng danh mục tài sản và tổng thể cài đặt trên hệ thống công nghệ;
  - » Giám sát sự biến động giá và thanh khoản của các cổ phiếu danh mục dư nợ theo mã chứng khoán.

## Rủi ro pháp lý

là rủi ro xảy ra khi không tuân thủ các quy định của pháp luật vì lí do chủ quan hay khách quan dẫn đến DNSE bị áp dụng các chế tài xử lý của các cơ quan có thẩm quyền hoặc khách hàng khiếu kiện gây tổn thất cho DNSE (tài sản, con người, danh tiếng, thương hiệu).

### DNSE đã thành lập bộ phận pháp chế với mục đích:

- Theo dõi, nghiên cứu, bình luận các thông tin pháp luật liên quan; phổ biến kịp thời các thông tin pháp luật;
- Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc, các phòng ban trong việc xây dựng các quy chế, quy định, ủy quyền phục vụ cho công tác quản trị điều hành;
- Phối hợp với các phòng ban rà soát tính pháp lý khi xây dựng các sản phẩm, hợp đồng biểu mẫu;
- Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với các cơ quan chức năng và pháp luật.

## Rủi ro tín dụng

là rủi ro xảy ra khi các đối tác của DNSE không thể thanh toán đúng hạn, không có khả năng thanh toán đầy đủ (gốc và lãi) hoặc không chuyển giao tài sản đúng cam kết, tài sản không thanh khoản.

Rủi ro này phát sinh trong lĩnh vực tiền gửi với các định chế tài chính ngân hàng hay hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ. Vì vậy, DNSE chú trọng việc tuân thủ các hạn mức cho vay đối với từng khách hàng, hạn mức tiền gửi ở các tổ chức tín dụng được đánh giá minh bạch và tính rủi ro thấp.

### Đối với hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ:

- Xây dựng hạn mức cho vay phù hợp theo đối tượng khách hàng, khung phê duyệt theo trách nhiệm và tín nhiệm của khách hàng, đảm bảo cho vay an toàn đúng người, đúng thời điểm;
- Phân lớp cổ phiếu để xây dựng các sản phẩm tín dụng phù hợp;
- Đối với từng sản phẩm có quy trình đề xuất, đánh giá thẩm định và phê duyệt phù hợp;
- Chuẩn hóa tính pháp lý của các sản phẩm, hợp đồng, biểu mẫu tín dụng;
- Báo cáo theo dõi tài sản đảm bảo hàng ngày, theo dõi các biến động bất thường để có hướng xử lý kịp thời;
- Giám sát dư nợ theo khách hàng, theo mã cổ phiếu;
- Nghiệp vụ xử lý call margin được tách bạch khỏi bộ phận kinh doanh để đảm bảo tính minh bạch và xử lý kịp thời;
- Xây dựng Tổng hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ, hạn mức tối đa trên một khách hàng, hạn mức tối đa trên một mã cổ phiếu.

## Rủi ro thanh khoản

là rủi ro xảy ra khi DNSE không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

### Đối với rủi ro này, DNSE luôn thực hiện việc kiểm soát chặt chẽ bằng các hoạt động sau:

- Xây dựng kế hoạch nguồn vốn hàng năm cho từng hoạt động, nghiệp vụ;
- Xác định hạn mức rủi ro cho từng hoạt động;
- Cân khớp dòng tiền hàng ngày, tháng, quý, năm;
- Theo dõi sát tính thanh khoản của tài sản để có thể xử lý kịp thời;
- Duy trì hạn mức thấu chi tại các ngân hàng đối tác;
- Tuân thủ nghiêm túc các quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng được chỉ tiêu an toàn tài chính.

## Rủi ro hoạt động

là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống trong quá trình vận hành, lỗi khi thực hiện quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp...

- Công ty thường xuyên kiểm tra hệ thống cốt lõi, hệ thống đặt lệnh... nhằm đảm bảo tính ổn định, thông suốt của hệ thống;
- Mọi quy trình nghiệp vụ đều thực hiện theo nguyên tắc kiểm tra chéo để đảm bảo tính độc lập giữa người thực hiện và người kiểm soát. Nguyên tắc này được áp dụng trong mọi quy trình nghiệp vụ và hoạt động của các phòng ban/bộ phận.

# Kế hoạch hoạt động quản trị rủi ro năm 2023

Năm 2023 tiếp tục là năm DNSE thực hiện chính sách quản trị rủi ro cẩn trọng nhưng vẫn hỗ trợ phát triển kinh doanh, mở rộng thị phần giao dịch chứng khoán phái sinh, xây dựng hệ sinh thái sản phẩm giao dịch và giao dịch ký quỹ đa dạng nhưng đồng thời quản trị rủi ro hiệu quả, nhận diện các rủi ro tiềm ẩn kịp thời, tránh các tổn thất tài chính cho công ty.

Kinh doanh hiệu quả mà vẫn đảm bảo tốt hoạt động quản trị rủi ro là một trong những thách thức trong công tác quản trị của DNSE. Việc xây dựng đội ngũ chất lượng và được hậu thuẫn bởi công nghệ quản trị tự động sẽ gia tăng hiệu suất cho công tác quản trị rủi ro của DNSE trong năm 2023 này.





# 07

## PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Đầu tư phát triển nhân lực

Trách nhiệm đối với Xã hội, Nhà nước và Cổ đông

# 1. Đầu tư phát triển nhân lực

## Đầu tư phát triển nhân lực

Trong 2022, Ban lãnh đạo DNSE kiên định với hành trình đổi mới, tái tạo tổ chức, liên tục sáng tạo và cải tiến trong cách thức điều hành, vận hành công ty cũng như đưa ra các chiến lược, chiến thuật sắc sảo về kinh doanh và phát triển đội ngũ nhân lực. DNSE luôn duy trì tôn chỉ con người là trọng tâm, là nhân tố quyết định giúp doanh nghiệp chuyển mình mạnh mẽ và thích ứng cao với các thay đổi của thị trường.

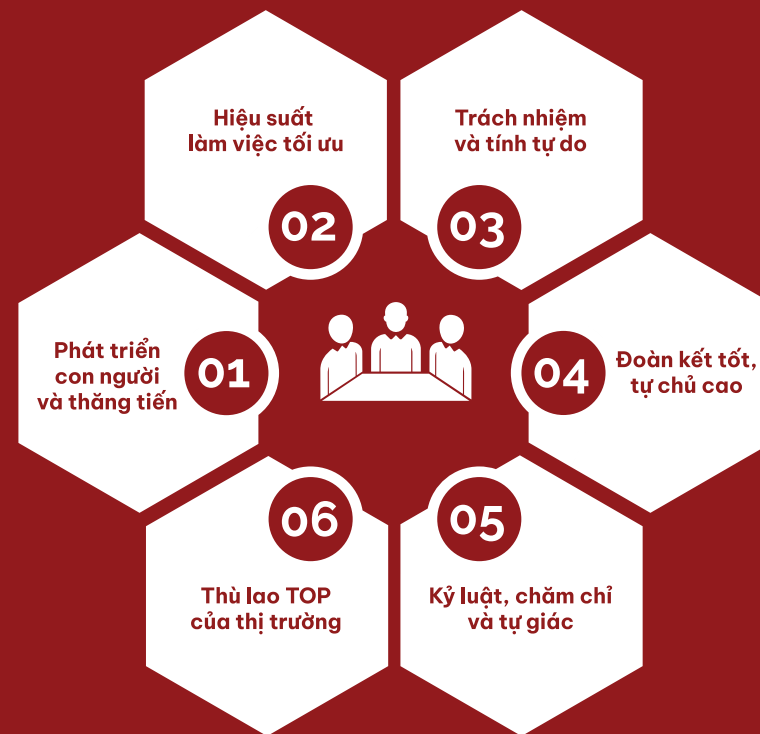
Trong bối cảnh thị trường chứng khoán có nhiều biến động năm 2022, nhiều doanh nghiệp gặp vô vàn khó khăn và phải đưa ra các quyết định cắt giảm nhân sự, thay đổi cơ cấu tổ chức, thu hẹp mô hình kinh doanh hoặc đóng cửa doanh nghiệp. DNSE vẫn kiên định, giữ vững tâm thế tập trung phát triển bền vững, đưa ra những chính sách linh hoạt nhằm thu hút, giữ chân và phát triển nguồn nhân lực, là tài sản quý giá của công ty.

## Thu hút nhân tài

### Trong 2022, DNSE đã tăng trưởng nguồn nhân lực 65% so với cùng kỳ 2021.

Chính sách thu hút nhân tài của DNSE không chủ trương cạnh tranh bằng lương mà bằng các giá trị vượt trội:

- Ban Lãnh đạo công ty luôn chủ động chia sẻ định hướng kinh doanh và cán bộ nhân viên được trải nghiệm những đột phá sáng tạo trong chính sách xây dựng sản phẩm mang đến nhiều giá trị vượt trội cho khách hàng.
- Cam kết lâu dài và chia sẻ thành quả: Mỗi thành viên là một nhân tố quyết định thành công của công ty và được khuyến khích phát triển, ghi nhận thành tích, cũng như có những thưởng xứng đáng.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, môi trường làm việc văn minh, sáng tạo, mang bản sắc riêng hướng tới các giá trị cốt lõi:



- Chính sách phúc lợi luôn được cập nhật liên tục để đảm bảo cạnh tranh với thị trường và công bằng với những nỗ lực đóng góp của cán bộ nhân viên.



## Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Hoạt động trong lĩnh vực tài chính – chứng khoán, DNSE luôn phải đối mặt với thách thức từ các đối thủ cạnh tranh cũng như biến động của nền kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính trong nước và thế giới. Với tôn chỉ nguồn nhân lực là yếu tố mang lại lợi thế cạnh tranh và giá trị vượt trội, DNSE luôn chú trọng vào công tác đào tạo kỹ năng, kiến thức chuyên môn cho đội ngũ nhân lực, không ngừng nâng cao năng lực cốt lõi cho nhân viên đáp ứng yêu cầu đặc thù ngành chứng khoán và xu hướng không ngừng cập nhật, phát triển của công nghệ.

DNSE liên kết cùng Trung tâm Đào tạo Ủy ban Chứng khoán để tài trợ và cung cấp miễn phí cho nhân viên các khóa đào tạo cấp chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề chứng khoán. Nhân viên được công ty khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất để tham gia các khóa học và ứng dụng các kiến thức được học vào việc cải tiến, tối ưu hóa hiệu suất công việc.

Nhằm tạo ra sân chơi sáng tạo cho CBNV, chấp cánh và hiện thực hóa những ý tưởng mới đột phá, cuộc thi Hackathon đã trở thành hoạt động thường niên tại DNSE. Tại đây, đội ngũ công nghệ của DNSE cùng lên ý tưởng phát triển sản phẩm mới, lập trình và được chấm điểm trực tiếp bởi Ban lãnh đạo DNSE. Những sáng kiến sản phẩm sắc bén, phù hợp nhất sẽ ngay lập tức được thưởng và hiện thực hóa trong hoạt động kinh doanh của công ty.



Bên cạnh đó, với định hướng phát triển lâu dài và bền vững, DNSE xây dựng khung năng lực cốt lõi và các tiêu chí đánh giá năng lực, đảm bảo sự công bằng và minh bạch trong việc đánh giá nhân viên, xây dựng lộ trình phát triển cho các vị trí kết hợp cùng kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cũng như chính sách khen thưởng đối với những cá nhân, tập thể có đóng góp tích cực cho sự phát triển của công ty, tạo động lực để CBNV luôn cố gắng phấn đấu, gắn bó lâu dài cùng công ty.

## Nâng cao trải nghiệm nhân viên

Với tôn chỉ nhân viên là tài sản quý báu của công ty, DNSE luôn cố gắng cải tiến không ngừng các quy trình tiếp nhận nhân viên mới, cung cấp các điều kiện tốt nhất để CBNV thích nghi với công việc, môi trường làm việc thân thiện, nơi mọi người quan tâm đến nhau và sẵn sàng chia sẻ, hỗ trợ nhau cùng phát triển.



# Trách nhiệm đối với Xã hội, Nhà nước và Cổ đông



DNSE luôn cam kết làm tròn nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, đóng góp vào sự phát triển, tăng trưởng ổn định của nền kinh tế và xã hội Việt Nam. Với nguyên tắc tuân thủ tốt các chính sách, pháp luật của nhà nước và đạo đức kinh doanh, chúng tôi luôn minh bạch và kịp thời với công tác công bố thông tin và trong quan hệ cổ đông. Thông qua các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, báo cáo thường niên và báo cáo cổ đông hàng tháng, quý, năm, các cổ đông luôn nhận được đầy đủ thông tin về kết quả kinh doanh cũng như các hoạt động chiến lược phát triển của công ty trong từng thời kỳ.

DNSE luôn mong muốn đóng góp những giá trị tích cực cho xã hội thông qua việc quan tâm, chăm lo cho đời sống CBNV và người thân, các hoạt động thiện nguyện được kêu gọi trong nội bộ công ty,...

Là doanh nghiệp giàu sức trẻ và ý thức được trách nhiệm vun đắp cho thế hệ tương lai, DNSE đã phối hợp với các trường Đại học để tạo cơ hội và hỗ trợ cho các em thực tập sinh được đào tạo thông qua trải nghiệm môi trường làm việc thực tế, sẵn sàng cho hành trình khởi nghiệp của các em sau khi kết thúc học tập.

Năm 2022, DNSE cũng đồng hành với Giải golf DNSE Vietnam Open, giải đấu đầu tiên và duy nhất trong năm mở rộng cho các vận động viên quốc tế đến tham dự, với mục tiêu thúc đẩy phát triển môn thể thao golf tại Việt Nam, tạo cơ hội cho các tài năng trẻ của golf Việt cạnh tranh tại một giải đấu quốc tế chuyên môn cao, từ đó nâng cao chất lượng cho golf chuyên nghiệp Việt.

**Với sự thành công của giải golf DNSE Vietnam Open 2022, DNSE đã góp phần đưa ngọn sóng golf Việt vươn ra biển cả khu vực và thế giới. Giải đấu cũng là cơ hội để quảng bá đất nước Việt Nam năng động, mến khách và nền golf Việt đang phát triển nhanh, mạnh tới bạn bè quốc tế.**



008

**BÁO CÁO  
TÀI CHÍNH**



## Thông tin chung

### Giấy phép Thành lập và Hoạt động

62/UBCK-GP ngày 30 tháng 10 năm 2007

Giấy phép Thành lập và Hoạt động do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.  
Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 37/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13 tháng 5 năm 2022.

### Quyết định Thành lập Chi nhánh

132/QĐ-UBCK ngày 16 tháng 3 năm 2021

Quyết định Thành lập Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, điều chỉnh mới nhất số 71/QĐ-UBCK ngày 2 tháng 2 năm 2023.

### Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp

0102459106 ngày 30 tháng 10 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 7 năm 2022.

### Hội đồng Quản trị

<b>Ông Nguyễn Hoàng Giang</b>	Chủ tịch
<b>Ông Lê Anh Tuấn</b>	Phó Chủ tịch
<b>Bà Phạm Thị Thanh Hoa</b>	Thành viên
<b>Bà Nguyễn Thị Hà Ninh</b>	Thành viên (từ ngày 19 tháng 4 năm 2022)

### Ban kiểm soát

<b>Bà Phạm Thị Liên</b>	Trưởng ban kiểm soát
<b>Ông Nguyễn Quang Sơn</b>	Thành viên
<b>Bà Phạm Thu Quỳnh</b>	Thành viên

### Tổng Giám đốc

<b>Bà Phạm Thị Thanh Hoa</b>	Tổng Giám đốc Người đại diện theo pháp luật
------------------------------	--

### Trụ sở đăng ký

Tầng 6, Tòa nhà Pax Sky  
63 - 65 Ngô Thị Nhậm, Phường Phạm Đình Hồ  
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

### Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

C-00.01, C-00.02, C-00.03, Lô C1  
Khu nhà thấp tầng Khu III (Khu chung cư Sarina)  
Số 62 đường Hoàng Thế Thiện, phường An Lợi Đông  
Thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## Báo cáo của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban lãnh đạo Công ty:

- Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 50 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban lãnh đạo Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban lãnh đạo Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Phạm Thị Thanh Hoa  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 2023

# Báo cáo kiểm toán độc lập

## Kính gửi các Cổ đông

### Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE (“Công ty”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban lãnh đạo Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 2 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 50.

## Trách nhiệm của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

## Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban lãnh đạo Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Công ty TNHH KPMG

Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số: 22-02-00121-23-1



Trần Anh Quân

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 0306-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 2023



Lê Nhật Vương  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 3849-2022-007-1



# Báo cáo tình hình tài chính

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)</b>	<b>100</b>		<b>5.429.789.416.430</b>	<b>2.284.352.633.759</b>
<b>I. Tài sản tài chính</b>	<b>110</b>		<b>5.401.669.849.551</b>	<b>2.282.120.940.903</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	431.936.111.485	21.021.949.342
1.1. Tiền	111.1		431.936.111.485	684.350.376
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		-	20.337.598.966
2. Các tài sản tài chính ("TSTC") ghi nhận thông qua lãi/lỗ	112	7(a)	575.600.703.154	84.093.149.735
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	113	7(b)	1.902.876.744.103	882.871.000.000
4. Các khoản cho vay	114	7(c)	2.280.376.720.422	1.192.495.353.688
6. Dự phòng suy giảm giá trị các TSTC và tài sản thế chấp	116		(39.586.100.297)	-
7. Các khoản phải thu	117	8	125.962.559.300	27.267.304.341
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		125.962.559.300	27.267.304.341
7.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		-	80.000
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		125.962.559.300	27.267.224.341
8. Trả trước cho người bán	118	9	123.424.423.195	72.958.404.976
9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	119	8	999.297.697	1.263.733.107
12. Các khoản phải thu khác	122	8	79.390.492	150.045.714
<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>130</b>		<b>28.119.566.879</b>	<b>2.231.692.856</b>
1. Tạm ứng	131		26.152.801.483	1.245.969.599
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	10(a)	1.939.765.396	958.723.257
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		27.000.000	27.000.000

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250)</b>	<b>200</b>		<b>979.355.431.642</b>	<b>30.873.553.983</b>
<b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>920.608.888.524</b>	<b>-</b>
2. Các khoản đầu tư	212		920.608.888.524	-
2.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1	7(b)	920.608.888.524	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>41.705.860.373</b>	<b>19.730.870.099</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	6.642.640.919	6.109.935.527
- Nguyên giá	222		11.263.781.519	10.754.059.566
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(4.621.140.600)	(4.644.124.039)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	35.063.219.454	13.620.934.572
- Nguyên giá	228		44.737.612.000	19.959.152.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(9.674.392.546)	(6.338.217.428)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>17.040.682.745</b>	<b>11.142.683.884</b>
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		1.981.640.841	454.369.866
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	10(b)	3.960.268.810	2.059.257.597
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	13	11.098.773.094	8.629.056.421
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>6.409.144.848.072</b>	<b>2.315.226.187.742</b>

# Báo cáo tình hình tài chính

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)</b>	<b>300</b>		<b>3.272.783.700.813</b>	<b>1.256.658.460.895</b>
<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.272.783.520.643</b>	<b>1.255.363.148.949</b>
1. Vay và nợ thuê TSTC ngắn hạn	311		2.584.842.672.289	1.103.860.000.000
1.1. Vay ngắn hạn	312	14	2.584.842.672.289	1.103.860.000.000
4. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	316	15	150.000.000.000	120.000.000.000
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	16	1.780.835.515	3.042.327.396
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320		359.088.528	240.758.699
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		160.000.000	105.000.000
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	17	16.235.901.025	16.276.099.887
11. Phải trả người lao động	323		6.651.489.424	6.625.382.468
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		263.170.429	178.741.372
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	18	7.804.079.088	3.509.111.042
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	19	504.686.065.949	1.525.509.689
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		218.396	218.396
<b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>340</b>		<b>180.170</b>	<b>1.295.311.946</b>
14. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	20	180.170	1.295.311.946

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>3.136.361.147.259</b>	<b>1.058.567.726.847</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>3.136.361.147.259</b>	<b>1.058.567.726.847</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3.000.041.575.300	1.000.010.973.300
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		3.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		3.000.000.000.000	1.000.000.000.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		41.575.300	10.973.300
4. Quỹ dự trữ bổ sung điều lệ	414		2.598.930.256	2.598.930.256
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		3.234.930.256	3.234.930.256
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417		130.485.711.447	52.722.893.035
7.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		208.665.324.863	47.541.645.254
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(78.179.613.416)	5.181.247.781
<b>TỔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>6.409.144.848.072</b>	<b>2.315.226.187.742</b>



# Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
6. Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng cổ phiếu)	006		300.000.000	100.000.000
8. TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("TTLKCK") của CTCK	008	21(a)	100.633.310.000	29.871.930.000
a. TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	008.1		100.633.310.000	29.871.880.000
e. TSTC chờ thanh toán	008.5		-	50.000
9. TSTC đã lưu ký giao dịch tại TTLKCK và chưa giao dịch của CTCK	009	21(b)	340.000	-
a. TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	009.1		340.000	-
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
1. TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại TTLKCK của Nhà đầu tư	021	21(c)	8.568.639.410.000	5.622.856.040.000
a. TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		7.919.828.610.000	5.388.961.590.000
b. TSTC hạn chế chuyển nhượng	021.2		29.053.520.000	3.210.350.000
c. TSTC giao dịch cầm cố	021.3		560.862.510.000	160.136.380.000
e. TSTC chờ thanh toán	021.5		58.894.770.000	70.547.720.000
2. TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	21(d)	125.442.940.000	31.292.990.000
a. TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		1.357.920.000	31.292.990.000
a. TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		124.085.020.000	-
3. TSTC chờ về của Nhà đầu tư	023	21(e)	66.044.730.000	99.658.510.000
7. Tiền gửi của khách hàng	026		293.724.871.095	444.947.269.061
7.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	21(f)	251.035.496.978	434.671.888.135
7.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028	21(f)	7.022.034	7.262.740

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
7.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029	21(f)	42.682.352.083	10.268.118.186
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước	029.1		40.731.981.299	10.198.213.843
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		1.950.370.784	69.904.343
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	21(g)	293.724.312.095	444.946.994.561
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		293.719.398.927	444.237.551.749
8.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		4.913.168	709.442.812
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		559.000	274.500

Ngày 28 tháng 2 năm 2023

Người lập:



Vũ Thị Thanh Tâm  
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Duyên  
Kế toán trưởng



Phạm Thị Thanh Hoa  
Tổng Giám đốc

# Báo cáo kết quả hoạt động

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
1.1. Lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01		18.718.169.267	20.443.076.776
a. Lãi bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01.1	22(a)	15.791.720.906	17.225.004.940
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01.2	22(b)	(6.479.470.056)	3.117.610.636
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	01.3	22(c)	9.405.918.417	100.461.200
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	02	22(c)	112.885.074.974	20.103.523.358
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	22(c)	223.074.905.611	42.693.449.174
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	22(d)	84.848.044.663	90.033.851.558
1.7. Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	06	22(d)	250.000.000	-
1.8. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08	22(d)	6.654.163.033	5.296.806.499
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	22(d)	2.834.979.254	1.543.034.825
1.10. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư tài chính	10	22(d)	90.000.000	50.000.000
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11	22(d)	2.732.330.337	527.166.925
<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>	<b>20</b>		<b>452.087.667.139</b>	<b>180.690.909.115</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
2.1. Lỗ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21		80.013.516.180	24.814.274.031
a. Lỗ bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21.1	23	1.761.701.302	24.747.970.416
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21.2	22(b)	78.176.522.917	3.930.409
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	21.3		75.291.961	62.373.206
2.4. Chi phí dự phòng TSTC, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm TSTC và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	24	142.467.628.953	21.234.536.964
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26		145.335.923	7.000.000
2.7. Chi phí môi giới chứng khoán	27		74.404.728.375	51.491.686.802
2.8. Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		204.831.070	-
2.9. Chi phí tư vấn, đầu tư chứng khoán	29		18.601.221	-
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		2.736.807.188	1.468.615.288
2.12. Chi phí hoạt động khác	32		4.570.863.060	1.587.197.870
<b>Cộng chi phí hoạt động</b>	<b>40</b>		<b>304.562.311.970</b>	<b>100.603.310.955</b>

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41	25	20.701.367	4.962.705
3.2. Doanh thu lãi tiền gửi phát sinh trong năm	42	25	1.854.143.406	768.378.459
3.4. Doanh thu khác về đầu tư	44	25	2.906.324.072	-
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>50</b>		<b>4.781.168.845</b>	<b>773.341.164</b>
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái và chưa thực hiện	51		205.926	-
4.2. Chi phí lãi vay	52		29.836.352.893	2.723.326.027
4.4. Chi phí tài chính khác	52		443.817.204	106.182.796
<b>Cộng chi phí tài chính</b>	<b>60</b>		<b>30.280.376.023</b>	<b>2.829.508.823</b>
<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>62</b>	<b>26</b>	<b>37.071.988.580</b>	<b>14.861.502.475</b>
<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 - 40 + 50 - 60 - 62)</b>	<b>70</b>		<b>84.954.159.411</b>	<b>63.169.928.026</b>
<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
8.1. Thu nhập khác	71	27	10.073.991.233	5.145.830.869
8.2. Chi phí khác	72		104.352.121	189.767.093
<b>Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)</b>	<b>80</b>		<b>9.969.639.112</b>	<b>4.956.063.776</b>
<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)</b>	<b>90</b>		<b>94.923.798.523</b>	<b>68.125.991.802</b>
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		179.579.791.496	65.012.311.575
9.2. (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	92		(84.655.992.973)	3.113.680.227
<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>100</b>		<b>17.160.980.111</b>	<b>13.656.442.493</b>
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	28	18.456.111.887	13.033.706.447
10.2. (Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	28	(1.295.131.776)	622.736.046
<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)</b>	<b>200</b>		<b>77.762.818.412</b>	<b>54.469.549.309</b>

Ngày 28 tháng 2 năm 2023

Người lập:

Vũ Thị Thanh Tâm  
Kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Thị Duyên  
Kế toán trưởng



Phạm Thị Thanh Hoa  
Tổng Giám đốc



# Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (Phương pháp gián tiếp)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		94.923.798.523	68.125.991.802
2. Điều chỉnh cho các khoản	02		23.738.787.170	(6.053.766.319)
- Khấu hao tài sản cố định	03		5.035.290.326	2.445.114.597
- Các khoản dự phòng	04		39.586.100.297	-
- Chi phí lãi vay	06		29.836.352.893	2.723.326.027
- Lãi từ hoạt động đầu tư	07		(1.854.143.406)	(768.378.459)
- Dự thu tiền lãi	08		(48.864.812.940)	(10.453.828.484)
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		78.176.522.917	3.930.409
- Chênh lệch giảm đánh giá lại giá trị TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	11		78.176.522.917	3.930.409
4. Tăng các doanh thu phi tiền tệ	18		6.479.470.056	(3.117.610.636)
- Chênh lệch tăng đánh giá lại giá trị các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	19		6.479.470.056	(3.117.610.636)
5. Thay đổi vốn lưu động	30		(3.278.261.553.618)	(2.068.534.442.659)
- Tăng TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	31		(576.163.546.392)	(57.979.469.508)
- Tăng các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	32		(1.940.614.632.627)	(800.437.816.438)
- Tăng các khoản cho vay	33		(1.087.881.366.734)	(1.169.398.685.079)
- Tăng các khoản phải thu và dự thu cố tức, tiền lãi các TSTC	36		(49.830.442.019)	(15.604.340.574)
- Giảm/(tăng) các khoản phải thu về các dịch vụ CTCK cung cấp	37		264.435.410	(978.669.357)
- Tăng các khoản phải thu khác	39		(50.395.362.997)	(34.116.037.976)
- Tăng các tài sản khác	40		(24.906.831.884)	(1.015.213.670)
- Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		102.881.528.656	22.317.139.704
- Giảm chi phí trả trước	42		(2.882.053.352)	(1.228.600.313)
- Thuế TNDN đã nộp	43		(8.902.130.594)	(11.480.094.130)
- Lãi vay đã trả	44		(128.422.913.503)	(23.195.692.832)
- Tăng phải trả cho người bán	45		118.329.829	85.441.619
- Tăng các khoản trích lập phúc lợi nhân viên	46		84.429.057	65.710.000
- (Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		(9.594.180.155)	14.295.383.740
- Tăng phải trả người lao động	48		26.106.956	6.369.025.627
- Tăng phải trả, phải nộp khác	50		501.954.064.379	4.047.394.938

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
- Tiền (chi)/thu khác cho hoạt động kinh doanh	52		(3.996.987.648)	(279.918.410)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>60</b>		<b>(3.074.942.974.952)</b>	<b>(2.009.575.897.403)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61		(27.010.280.600)	(15.932.786.400)
5. Tiền thu về cố tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		1.854.143.406	768.378.459
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>70</b>		<b>(25.156.137.194)</b>	<b>(15.164.407.941)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	71		2.000.030.602.000	840.010.973.300
3. Tiền thu từ đi vay	73		9.434.861.465.387	3.928.876.593.709
3.2. Tiền vay khác	73.2		9.434.861.465.387	3.928.876.593.709
4. Tiền trả nợ gốc vay	74		(7.923.878.793.098)	(2.724.221.593.709)
4.3. Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		(7.923.878.793.098)	(2.724.221.593.709)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>80</b>		<b>3.511.013.274.289</b>	<b>2.044.665.973.300</b>
<b>IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm (90 = 60 + 70 + 80)</b>	<b>90</b>		<b>410.914.162.143</b>	<b>19.925.667.956</b>
<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>101</b>		<b>21.021.949.342</b>	<b>1.096.281.386</b>
Tiền	101.1		684.350.376	96.281.386
Các khoản tương đương tiền	101.2		20.337.598.966	1.000.000.000
<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (103 = 90 + 101)</b>	<b>103</b>	<b>5</b>	<b>431.936.111.485</b>	<b>21.021.949.342</b>
Tiền	103.1		431.936.111.485	684.350.376
Các khoản tương đương tiền	103.2		-	20.337.598.966

## Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

### Phần lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
<b>I.</b>		<b>Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>		
1.	01	Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	37.934.970.715.260	23.205.913.410.400
2.	02	Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	(37.964.109.864.680)	(32.693.100.653.700)
7.	07	Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	67.486.378.879.937	25.857.815.029.185
8.	08	Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	(67.605.828.111.258)	(16.090.811.038.492)
11.	11	Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	(2.634.301.725)	(1.356.879.560)
14.	14	Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	79.561.634.130	50.835.884.658
15.	15	Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	(79.561.349.630)	(51.070.871.358)
	<b>20</b>	<b>Tăng tiền thuần trong năm</b>	<b>(151.222.397.966)</b>	<b>278.224.881.133</b>
<b>II.</b>		<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>	<b>444.947.269.061</b>	<b>166.722.387.928</b>
	31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	444.947.269.061	166.722.387.928
	32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	434.671.888.135	113.728.858.808
	33	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	7.262.740	52.967.461.038
	34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	10.268.118.186	26.068.082
<b>III.</b>		<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)</b>	<b>293.724.871.095</b>	<b>444.947.269.061</b>
	41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	293.724.871.095	444.947.269.061
	42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	251.035.496.978	434.671.888.135
	43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	7.022.034	7.262.740
	44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	42.682.352.083	10.268.118.186

Ngày 28 tháng 2 năm 2023

Người lập:



Vũ Thị Thanh Tâm  
Kế toán



Nguyễn Thị Duyên  
Kế toán trưởng

Phạm Thị Thanh Hoa  
Tổng Giám đốc



# Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

		Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		1/1/2021	1/1/2022	2021		2022		31/12/2021	31/12/2022
		VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
<b>I.</b>	<b>Biến động vốn chủ sở hữu</b>								
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	160.000.000.000	1.000.010.973.300	840.010.973.300	-	2.000.030.602.000	-	1.000.010.973.300	3.000.041.575.300
1.1	Vốn góp của chủ sở hữu	160.000.000.000	1.000.000.000.000	840.000.000.000	-	2.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000	3.000.000.000.000
1.2	Thặng dư vốn cổ phần	-	10.973.300	10.973.300	-	30.602.000	-	10.973.300	41.575.300
3.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	2.598.930.256	2.598.930.256	-	-	-	2.598.930.256	2.598.930.256
4.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	636.000.000	3.234.930.256	2.598.930.256	-	-	-	3.234.930.256	3.234.930.256
8.	Lợi nhuận chưa phân phối	3.451.204.238	52.722.893.035	54.469.549.309	(5.197.860.512)	161.123.679.609	(83.360.861.197)	52.722.893.035	130.485.711.447
8.1	Lợi nhuận đã thực hiện	760.900.638	47.541.645.254	51.978.605.128	(5.197.860.512)	161.123.679.609	-	47.541.645.254	208.665.324.863
8.2	Lợi nhuận chưa thực hiện	2.690.303.600	5.181.247.781	2.490.944.181	-	-	(83.360.861.197)	5.181.247.781	(78.179.613.416)
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>164.087.204.238</b>	<b>1.058.567.726.847</b>	<b>899.678.383.121</b>	<b>(5.197.860.512)</b>	<b>2.161.154.281.609</b>	<b>(83.360.861.197)</b>	<b>1.058.567.726.847</b>	<b>3.136.361.147.259</b>

Ngày 28 tháng 2 năm 2023

Người lập:



Vũ Thị Thanh Tâm  
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Duyên  
Kế toán trưởng



Phạm Thị Thanh Hoa  
Tổng Giám đốc

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các thuyết minh này bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. Đơn vị báo cáo

### (a) Cơ sở thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 62/UBCK-GP được cấp lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2007 tại Việt Nam. Ngày 18 tháng 8 năm 2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép điều chỉnh về việc thay đổi tên của Công ty. Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 37/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13 tháng 5 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 6, Tòa nhà Pax Sky, Số 63 - 65 Ngõ Thì Nhậm, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có một (1) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh (1/1/2022: một (1) chi nhánh).

Điều lệ hoạt động của Công ty được cập nhật lần gần nhất vào ngày 18 tháng 5 năm 2022.

### (b) Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty là 3.000.000.000.000 VND (1/1/2022: 1.000.000.000.000 VND).

### (c) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán phái sinh, tự doanh chứng khoán phái sinh, tư vấn đầu tư chứng khoán phái sinh, dịch vụ bù trừ và thanh toán phái sinh.

### (d) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 89 nhân viên (1/1/2022: 50 nhân viên).

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### (c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### (d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

## 3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

### (a) Tài sản và nợ phải trả tài chính

#### (i) Ghi nhận

Các tài sản và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản và nợ phải trả tài chính này.

#### (ii) Phân loại và đo lường

- Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ: Xem Thuyết minh 3(c);
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn: Xem Thuyết minh 3(d);
- Các khoản cho vay: Xem Thuyết minh 3(e).

#### (iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

#### (iv) Cấn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cấn trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cấn trừ các khoản mục với số tiền được ghi nhận và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

#### (v) Xác định và đánh giá suy giảm giá trị

Cuối kỳ kế toán năm, Công ty đánh giá liệu có các bằng chứng khách quan rằng các TSTC không thuộc nhóm TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ bị suy giảm giá trị hay không. Một TSTC hoặc một nhóm các TSTC được xem là suy giảm giá trị khi có các bằng chứng khách quan cho thấy có một sự kiện xảy ra sau khi tài sản được ghi nhận ban đầu và sự kiện này có ảnh hưởng đến các dòng tiền trong tương lai từ tài sản này có thể ước tính một cách tin cậy.

Một số bằng chứng khách quan cho thấy các TSTC bị suy giảm giá trị bao gồm:

- Khó khăn trọng yếu về tài chính của tổ chức phát hành hoặc tổ chức giao ước;
- Vi phạm hợp đồng, ví dụ như mất khả năng trả nợ hoặc không thanh toán lãi hoặc gốc đúng hạn;
- Bên cho vay, vì lý do kinh tế hoặc pháp luật liên quan đến khó khăn tài chính của bên đi vay, đã đưa ra một số ưu đãi nhượng bộ cho bên đi vay mà bên cho vay không thể xem xét hơn được;
- Bên đi vay có khả năng phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính;
- Các dữ liệu thu thập được cho thấy có sự suy giảm về dòng tiền ước tính trong tương lai phát sinh từ một nhóm các TSTC kể từ khi ghi nhận ban đầu.

Nếu có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về suy giảm giá trị của TSTC thì Công ty sẽ phải xác định giá trị của khoản lỗ do suy giảm giá trị (nếu có) của TSTC này và ghi nhận khoản lỗ suy giảm giá trị đó vào lãi/lỗ của báo cáo kết quả hoạt động.

Trong trường hợp nếu TSTC được đánh giá là đã khôi phục mức suy giảm giá trị trước đó, Công ty sẽ hoàn nhập khoản dự phòng suy giảm giá trị đã được trích lập trước đó.



# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các thuyết minh này bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## (b) Tiền và các khoản đương tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tiền gửi của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

## (c) Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Ban lãnh đạo phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ. TSTC được phân loại vào nhóm ghi nhận thông qua lãi/lỗ, nếu:
  - TSTC được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh TSTC đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty chỉ định TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được ghi nhận ban đầu theo giá mua thực tế các TSTC (đối với chứng khoán chưa niêm yết) hoặc giá khớp lệnh tại các Sở giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết), không bao gồm các chi phí giao dịch phát sinh liên quan đến việc mua các TSTC này.

Sau ghi nhận ban đầu, các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được phản ánh theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản chênh lệch tăng/giảm về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ được hạch toán vào lãi/lỗ của báo cáo kết quả hoạt động.

Đối với các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ là các chứng khoán vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động hoặc không thể xác định được giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy, thì các TSTC này sẽ được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC.

## (d) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua các khoản đầu tư đó như chi phí môi giới, chi phí giao dịch, chi phí thông tin, lệ phí, phí ngân hàng.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được hạch toán theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực tế, trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC.

Các TSTC sẽ không được tiếp tục phân loại là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất đã được bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các TSTC giữ đến ngày đáo hạn trước thời hạn, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- rất gần ngày đáo hạn mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của TSTC;
- được thực hiện sau khi Công ty đã thu được phần lớn tiền gốc của các TSTC này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- do liên quan đến một sự kiện đặc biệt nào ngoài khả năng kiểm soát của Công ty và sự kiện này Công ty không thể dự đoán trước được.

## (e) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các TSTC với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường. Các khoản cho vay của Công ty bao gồm các khoản cho vay ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng margin của khách hàng và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC (nếu có).

Dự phòng suy giảm giá trị của các khoản cho vay ký quỹ được xác định bằng giá trị ghi sổ của các khoản vay trừ đi giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản nhận thế chấp tương ứng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các thuyết minh này bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## (f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ bán các TSTC, từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phân ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên ước tính về khả năng thu hồi của các khoản phải thu, nhưng không thấp hơn mức dự phòng dựa vào thời gian quá hạn như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

## (g) Tài sản cố định hữu hình

### (i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

### (ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Phương tiện vận chuyển 6 năm
- Thiết bị văn phòng 3 – 8 năm

## (h) Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 8 năm.

## (i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

## (j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

## (k) Các quỹ dự trữ pháp định

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2022

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) như sau:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hàng năm theo quyết định của Ban lãnh đạo.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về vốn, tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, tổ chức bảo hiểm.

Các quỹ dự trữ pháp định này không được phép phân phối và được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mức trích lập hàng năm được phê duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2022

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC (“Thông tư 114”) thay thế Thông tư 146. Thông tư 114 có hiệu lực từ 1 tháng 2 năm 2022 và được áp dụng cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Thông tư 114 bãi bỏ các quy định của Thông tư 146. Theo đó:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định khác;
- Số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ có thể dùng bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định khác.

## (l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

## (m) Doanh thu và thu nhập

### (i) Lãi/lỗ từ bán các TSTC

Lãi/lỗ từ bán các TSTC được ghi nhận khi Công ty nhận được Thông báo khớp lệnh của các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

### (ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức không được ghi nhận đối với các cổ phiếu giao dịch từ ngày không hưởng quyền. Đối với cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu, Công ty chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng doanh thu từ cổ tức.

Thu nhập tiền lãi bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ và từ các khoản đầu tư HTM, lãi từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản thu nhập này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.



# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các thuyết minh này bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán, doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, doanh thu đại lý phát hành chứng khoán, doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán và doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỷ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

## (n) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

## (o) Chi phí lãi vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

## (p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

## (q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

## (r) Số dư bằng không

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư 210 không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

## (s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

## 4.

### Quản lý rủi ro tài chính

#### (a) Tổng quan

Công ty nhận định nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Các loại rủi ro chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý những rủi ro này như sau:

#### (b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay, các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác.

#### Tài sản đảm bảo

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Ban lãnh đạo theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng giá trị ghi sổ của các TSTC thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	431.936.111.485	21.021.949.342
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	(i)	1.902.876.744.103	882.871.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	(i)	920.608.888.524	-
Các khoản cho vay	(ii)	2.240.790.620.125	1.192.495.353.688
Các khoản phải thu	(ii)	125.962.559.300	27.267.304.341
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	(ii)	999.297.697	1.263.733.107
Các khoản phải thu khác	(ii)	79.390.492	150.045.714
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	(ii)	27.000.000	27.000.000
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	(ii)	1.981.640.841	454.369.866
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	(iii)	11.098.773.094	8.629.056.421
		5.636.361.025.661	2.134.179.812.479

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các thuyết minh này bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## (i) Tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín. Ban lãnh đạo không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

## (ii) Các khoản cho vay, các khoản phải thu, các khoản cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn và dài hạn

Theo quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành, Công ty có thể cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo quy định về giao dịch ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng ký quỹ. Công ty tuân thủ theo quy định về hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ tại Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 1 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được của khách hàng và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ các khoản phải thu này theo đúng điều khoản trong hợp đồng. Bên cạnh đó, các khoản phải thu của khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau. Do đó, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Không có khoản phải thu nào quá hạn tại thời điểm cuối năm.

## (iii) Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

## (c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ (VND)	Dòng tiền theo hợp đồng (VND)	Trong vòng 1 năm (VND)
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>			
Vay và nợ thuê TSTC ngắn hạn	2.584.842.672.289	2.592.523.751.377	2.592.523.751.377
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	150.000.000.000	150.087.000.000	150.087.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.780.835.515	1.780.835.515	1.780.835.515
Phải trả người bán ngắn hạn	359.088.528	359.088.528	359.088.528
Chi phí phải trả ngắn hạn	7.804.079.088	7.804.079.088	7.804.079.088
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	503.618.683.151	504.686.065.949	504.686.065.949
	<b>3.248.405.358.571</b>	<b>3.257.240.820.457</b>	<b>3.257.240.820.457</b>
<b>Tại ngày 1/1/2022</b>			
Vay và nợ thuê TSTC ngắn hạn	1.103.860.000.000	1.105.860.108.849	1.105.860.108.849
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	120.000.000.000	122.692.602.740	122.692.602.740
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.042.327.396	3.042.327.396	3.042.327.396
Phải trả người bán ngắn hạn	240.758.699	240.758.699	240.758.699
Chi phí phải trả ngắn hạn	3.509.111.042	3.509.111.042	3.509.111.042
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	1.525.509.689	1.525.509.689	1.525.509.689
	<b>1.232.177.706.826</b>	<b>1.236.870.418.415</b>	<b>1.236.870.418.415</b>

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

## (d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro tỷ giá hối đoái, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu.

### (i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có tài sản/nợ phải trả chịu rủi ro tỷ giá hối đoái.



# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các thuyết minh này bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## (ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu của khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác và các khoản vay và nợ ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>		
<b>Tài sản tài chính ngắn hạn</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	431.936.111.485	21.021.949.342
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.902.876.744.103	882.871.000.000
Các khoản cho vay	2.240.790.620.125	1.192.495.353.688
<b>Tài sản tài chính dài hạn</b>		
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	920.608.888.524	-
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	11.098.773.094	8.629.056.421
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ thuê TSTC ngắn hạn	(2.584.842.672.289)	(1.103.860.000.000)
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	(150.000.000.000)	(120.000.000.000)
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>	<b>2.772.468.465.042</b>	<b>881.157.359.451</b>

## (iii) Rủi ro về giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ. Ban lãnh đạo Công ty theo dõi các chứng khoán niêm yết trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, giá trị hợp lý của các cổ phiếu niêm yết của Công ty là 295.600.703.154 VND (1/1/2022: 84.093.149.735 VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này tăng hoặc giảm 15% tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 với tất cả các biến số khác không thay đổi lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ tăng hoặc giảm tương ứng 35.472.084.378 VND (1/1/2022: giá trị thị trường của các chứng khoán tăng hoặc giảm 13%, tương ứng 8.745.687.572 VND).

## 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Tiền gửi ngân hàng	431.933.192.089	681.446.916
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	2.919.396	2.903.460
Các khoản tương đương tiền (i)	-	20.337.598.966
	<b>431.936.111.485</b>	<b>21.021.949.342</b>

(i) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất 4%/năm (1/1/2022: 4%/năm).

## 6. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	2022		2021	
	Khối lượng giao dịch thực hiện Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện VND
Của Công ty	53.264.991	11.947.413.768.050	13.632.532	399.997.741.365
Cổ phiếu	8.946.238	339.791.073.825	13.632.532	399.997.741.365
Trái phiếu	43.741.163	4.936.365.236.435	-	-
Giấy tờ có giá	577.590	6.671.257.457.790	-	-
Của Nhà đầu tư	3.191.324.461	75.610.503.120.465	1.891.489.181	57.048.421.565.065
Cổ phiếu	3.191.324.461	75.610.503.120.465	1.891.489.181	57.048.421.565.065
		<b>87.557.916.888.515</b>		<b>57.448.419.306.430</b>

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các thuyết minh này bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## 7. (a) TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

### Các loại tài sản tài chính

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết/đăng ký giao dịch	280.000.000.000	(*)	280.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Ba Huân	280.000.000.000	(*)	280.000.000.000	-	-	-
Cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch	373.780.136.400	295.600.703.154	295.600.703.154	77.616.590.008	84.093.149.735	84.093.149.735
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín	151.647.467.564	139.725.022.500	139.725.022.500	67.559.162.060	71.851.500.000	71.851.500.000
- Tổng công ty Dầu Việt Nam – Công ty Cổ phần	2.664.885.714	1.501.000.000	1.501.000.000	9.818.000.000	11.970.000.000	11.970.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam	-	-	-	22.105.521	24.622.800	24.622.800
- Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	219.185.851.400	154.186.562.000	154.186.562.000	-	-	-
- Các cổ phiếu khác	281.931.722	188.118.654	188.118.654	217.322.427	247.026.935	247.026.935
	<b>653.780.136.400</b>		<b>575.600.703.154</b>	<b>77.616.590.008</b>	<b>84.093.149.735</b>	<b>84.093.149.735</b>

(\*) Tài sản tài chính này được hạch toán theo giá gốc do không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý không thể xác định được một cách đáng tin cậy.



# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các thuyết minh này bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## (b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Ngắn hạn	1.902.876.744.103	882.871.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm (i)	727.876.744.103	882.871.000.000
Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm (ii)	1.175.000.000.000	-
Dài hạn	920.608.888.524	-
Trái phiếu doanh nghiệp (iii)	920.608.888.524	-
	<b>2.823.485.632.627</b>	<b>882.871.000.000</b>

(i) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 5% đến 9%/năm (1/1/2022: 3,9% đến 5,9%/năm).

(ii) Đây là các khoản chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 1 năm tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 4,8% đến 8,8%/năm (1/1/2022: Không có).

(iii) Bao gồm các trái phiếu có kỳ hạn gốc từ 5 năm đến 8 năm với tổng giá trị 412.764.815.068 do các ngân hàng thương mại cổ phần phát hành với lãi suất từ 6,43% đến 8,7%/năm và các trái phiếu có kỳ hạn gốc từ 3 năm đến 5 năm với tổng giá trị 507.844.073.497 do các doanh nghiệp phát hành với lãi suất từ 9,9% đến 10%/năm (1/1/2022: Không có).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tiền gửi có kỳ hạn với tổng giá trị là 1.902.876.744.103 VND (1/1/2022: 882.871.000.000 VND) và các khoản trái phiếu với tổng giá trị là 407.000.000.000 VND (1/1/2022: 0 VND) được dùng để cầm cố cho các khoản vay tại các ngân hàng với tổng số tiền vay là 2.018.469.874.581 VND (Thuyết minh 14).

## (c) Các khoản cho vay

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay ký quỹ	2.250.172.052.105	(*)	1.107.025.517.980	(*)
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	30.204.668.317	(*)	85.469.835.708	(*)
	<b>2.280.376.720.422</b>	<b>(*)</b>	<b>1.192.495.353.688</b>	<b>(*)</b>

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

## 8. Các khoản phải thu

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Các khoản phải thu và tiền lãi các tài sản tài chính	125.962.559.300	27.267.304.341
- Dự thu lãi tiền gửi – tiền gửi có kỳ hạn cố định và chứng chỉ tiền gửi	55.602.029.472	16.813.395.857
- Dự thu lãi tiền trái phiếu	21.495.716.888	-
- Dự thu tiền lãi hoạt động cho vay ký quỹ	48.838.307.508	10.418.254.901
- Dự thu tiền lãi hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	26.505.432	35.573.583
- Phải thu cổ tức	-	80.000
Các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	999.297.697	1.263.733.107
- Phải thu hoạt động tư vấn	327.401.153	792.514.092
- Phải thu phí lưu ký của Nhà đầu tư	671.896.544	471.219.015
Các khoản thu khác	79.390.492	150.045.714
	<b>127.041.247.489</b>	<b>28.681.083.162</b>

## 9. Trả trước cho người bán

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Công ty Cổ phần Công nghệ tài chính Encapital	43.792.223.200	72.028.060.000
Trả trước cho người bán khác	79.632.199.995	930.344.976
	<b>123.424.423.195</b>	<b>72.958.404.976</b>

## 10. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí khác	1.939.765.396	958.723.257
(b) Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Chi phí hệ thống nội thất	1.570.753.086	549.989.337
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.389.515.724	1.509.268.260
	<b>3.960.268.810</b>	<b>2.059.257.597</b>

## 11. Tài sản cố định hữu hình

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	2.696.883.400	8.057.176.166	10.754.059.566
Mua trong năm	1.553.266.600	678.554.000	2.231.820.600
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.722.098.647)	(1.722.098.647)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.250.150.000</b>	<b>7.013.631.519</b>	<b>11.263.781.519</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	225.988.841	4.418.135.198	4.644.124.039
Khấu hao trong năm	640.642.043	1.058.473.165	1.699.115.208
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.722.098.647)	(1.722.098.647)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>866.630.884</b>	<b>3.754.509.716</b>	<b>4.621.140.600</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	2.470.894.559	3.639.040.968	6.109.935.527
Số dư cuối năm	3.383.519.116	3.259.121.803	6.642.640.919

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 1.242 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2022: 2.964 triệu VND).

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các thuyết minh này bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	-	7.203.213.166	7.203.213.166
Mua trong năm	2.696.883.400	853.963.000	3.550.846.400
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.696.883.400</b>	<b>8.057.176.166</b>	<b>10.754.059.566</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	3.385.163.878	3.385.163.878
Khấu hao trong năm	225.988.841	1.032.971.320	1.258.960.161
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>225.988.841</b>	<b>4.418.135.198</b>	<b>4.644.124.039</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	-	3.818.049.288	3.818.049.288
Số dư cuối năm	2.470.894.559	3.639.040.968	6.109.935.527

## 12. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	2022 (VND)	2021 (VND)
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	19.959.152.000	7.577.212.000
Mua trong năm	24.778.460.000	12.381.940.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>44.737.612.000</b>	<b>19.959.152.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	6.338.217.428	5.152.062.992
Khấu hao trong năm	3.336.175.118	1.186.154.436
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>9.674.392.546</b>	<b>6.338.217.428</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu năm	13.620.934.572	2.425.149.008
Số dư cuối năm	35.063.219.454	13.620.934.572

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 5.010 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2022: 5.010 triệu VND).

## 13. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của kỳ liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Các khoản tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán như sau:

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	7.214.409.060	5.192.149.379
Tiền lãi phân bổ trong năm	3.764.364.034	3.316.907.042
	<b>11.098.773.094</b>	<b>8.629.056.421</b>

## 14. Vay ngắn hạn

	01/01/2022	Biến động trong năm		31/12/2022
		Tăng	Giảm	
	Giá trị ghi sổ	VND	VND	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngân hàng (i)</b>				
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	385.100.000.000	3.462.087.294.521	(2.683.717.694.521)	1.163.469.600.000
- Ngân hàng TNHH MTV Public Bank Việt Nam	105.000.000.000	1.030.000.000.000	(1.030.000.000.000)	105.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	220.700.000.000	2.161.928.274.581	(2.082.628.000.000)	300.000.274.581
- Ngân hàng TMCP Việt Á	49.500.000.000	198.000.000.000	(247.500.000.000)	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	850.000.000.000	(400.000.000.000)	450.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	1.000.000.000.000	(492.152.098.577)	507.847.901.423
<b>Vay khác (ii)</b>				
- Vay tổ chức	134.500.000.000	234.400.000.000	(342.400.000.000)	26.500.000.000
- Vay cá nhân	209.060.000.000	348.445.896.285	(525.481.000.000)	32.024.896.285
	<b>1.103.860.000.000</b>	<b>9.284.861.465.387</b>	<b>(7.803.878.793.098)</b>	<b>2.584.842.672.289</b>

(i) Các khoản vay thấu chi và khoản vay tín dụng từ các Ngân hàng với lãi suất từ 4,5 % đến 9,2%/năm, có tài sản đảm bảo là các hợp đồng tiền gửi/chứng chỉ tiền gửi/trái phiếu tại các Ngân hàng với tổng giá trị là 2.309.876.744.103 VND (1/1/2022: 882.871.000.000 VND).

(ii) Các khoản vay khác từ các công ty và cá nhân với lãi suất từ 7,6% đến 10,6%/năm, không có tài sản đảm bảo (1/1/2022: 9% đến 16%/năm).

## 15. Trái phiếu phát hành ngắn hạn

	Lãi suất	Số lượng trái phiếu phát hành tại ngày 31/12/2022	Tổng mệnh giá tại ngày 31/12/2022
Phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2022	10,5%/năm	1.500.000	150.000.000.000

Công ty phát hành trái phiếu riêng lẻ không có tài sản đảm bảo, mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu. Trái phiếu có kỳ hạn 12 tháng, trả lãi 3 tháng/lần.



# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các thuyết minh này bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## 16. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	1.488.782.259	2.853.871.317
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	292.053.256	188.456.079
	<b>1.780.835.515</b>	<b>3.042.327.396</b>

## 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ khấu trừ trong năm VND	31/12/2022
Thuế giá trị gia tăng	55.362.056	362.329.278	(327.890.009)	89.801.325
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.450.856.133	18.456.111.887	(8.902.130.594)	11.004.837.426
Thuế thu nhập cá nhân	14.769.881.698	59.492.436.384	(69.151.422.609)	5.110.895.473
Các loại thuế khác	-	164.020.001	(133.653.200)	30.366.801
	<b>16.276.099.887</b>	<b>78.474.897.550</b>	<b>(78.515.096.412)</b>	<b>16.235.901.025</b>

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/ khấu trừ trong năm VND	31/12/2021
Thuế giá trị gia tăng	10.129.646	71.636.745	(26.404.335)	55.362.056
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(102.756.184)	13.033.706.447	(11.480.094.130)	1.450.856.133
Thuế thu nhập cá nhân	519.730.368	29.537.138.104	(15.286.986.774)	14.769.881.698
Các loại thuế khác	-	132.885.966	(132.885.966)	-
	<b>427.103.830</b>	<b>42.775.367.262</b>	<b>(26.926.371.205)</b>	<b>16.276.099.887</b>

## 18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Lãi dự trả cho trái phiếu phát hành	87.000.000	2.692.602.740
Lãi dự trả cho các hợp đồng vay	7.681.079.088	780.508.302
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	36.000.000	36.000.000
	<b>7.804.079.088</b>	<b>3.509.111.042</b>

## 19. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Phải trả gốc liên quan tới thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản (i)	504.659.662.065	-
Các khoản phải trả khác	26.403.884	1.525.509.689
	<b>504.686.065.949</b>	<b>1.525.509.689</b>

(i) Phải trả gốc liên quan tới thỏa thuận quản lý và tối ưu tài sản là các khoản tiền của nhà đầu tư mà Công ty nhận quản lý theo thỏa thuận với các nhà đầu tư đó, kỳ hạn từ không kỳ hạn đến 3 tháng

## 20. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận:			
	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND	
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	180.170	1.295.311.946	
<b>Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>180.170</b>	<b>1.295.311.946</b>	
Biến động các chênh lệch tạm thời trong năm:			
	01/01/2022 VND	Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động VND	31/12/2022 VND
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ khác	6.476.559.727	(6.475.658.877)	900.850
	01/01/2021 VND	Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động VND	31/12/2021 VND
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ khác	3.362.879.500	3.113.680.227	6.476.559.727

## 21. Các tài khoản ngoại bảng

### (a) TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại TTLCKK của Công ty chứng khoán

	31/12/2022		01/01/2022	
	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND
TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	10.063.331	100.633.310.000	2.987.193	29.871.880.000
TSTC chờ thanh toán	-	-	5	50.000
		<b>100.633.310.000</b>		<b>29.871.930.000</b>

### (b) TSTC đã lưu ký tại TTLCKK và chưa giao dịch của Công ty chứng khoán

	31/12/2022		01/01/2022	
	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại TTLCKK và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	34	340.000	-	-

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các thuyết minh này bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## (c) TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại TTLKCK của Nhà đầu tư

	31/12/2022		01/01/2022	
	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND
TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng	791.982.861	7.919.828.610.000	538.896.159	5.388.961.590.000
TSTC hạn chế chuyển nhượng	2.905.352	29.053.520.000	321.035	3.210.350.000
TSTC giao dịch cầm cố	56.086.251	560.862.510.000	16.013.638	160.136.380.000
TSTC chờ thanh toán	5.889.477	58.894.770.000	7.054.772	70.547.720.000
		<b>8.568.639.410.000</b>		<b>5.622.856.040.000</b>

## (d) TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	31/12/2022		01/01/2022	
	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND
TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	135.792	1.357.920.000	3.129.299	31.292.990.000
TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	12.408.502	124.085.020.000	-	-
		<b>125.442.940.000</b>		<b>31.292.990.000</b>

## (e) TSTC chờ về của Nhà đầu tư

	31/12/2022		01/01/2022	
	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng Đơn vị	Giá trị theo mệnh giá VND
Dưới 1 năm	6.604.473	66.044.730.000	9.965.851	99.658.510.000

## (f) Tiền gửi của khách hàng

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
<b>1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</b>	<b>251.035.496.978</b>	<b>434.671.888.135</b>
a. Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	251.035.496.978	434.671.888.135
<b>2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng</b>	<b>7.022.034</b>	<b>7.262.740</b>
<b>3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư</b>	<b>42.682.352.083</b>	<b>10.268.118.186</b>
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	40.731.981.299	10.198.213.843
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	1.950.370.784	69.904.343
	<b>293.724.871.095</b>	<b>444.947.269.061</b>

## (g) Phải trả Nhà đầu tư

	31/12/2022 (VND)	01/01/2022 (VND)
Phải trả Nhà đầu tư – Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
Của Nhà đầu tư trong nước	293.719.398.927	444.237.551.749
Của Nhà đầu tư nước ngoài	4.913.168	709.442.812
	<b>293.724.312.095</b>	<b>444.946.994.561</b>



# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các thuyết minh này bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## 22. Doanh thu hoạt động

### (a) Lãi bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

2022	Số lượng bán	Giá bán bình quân	Tổng giá trị bán	Giá vốn	Lãi bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ
	Đơn vị	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	901.971	22.215	20.037.068.740	17.620.227.029	2.416.841.712
Chứng chỉ tiền gửi	3.453	173.457.439	598.948.538.538	597.102.048.079	1.846.490.459
Trái phiếu chưa niêm yết	18.118.514	111.137	2.013.642.368.323	2.002.113.979.588	11.528.388.735
			<b>618.985.607.278</b>	<b>614.722.275.108</b>	<b>15.791.720.906</b>
2021	Số lượng bán	Giá bán bình quân	Tổng giá trị bán	Giá vốn	Lãi bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ
	Đơn vị	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	3.152.200	28.894	91.079.470.000	73.866.135.800	17.213.334.200
Chứng chỉ tiền gửi	1	142.011.670.740	142.011.670.740	142.000.000.000	11.670.740
			<b>233.091.140.740</b>	<b>215.866.135.800</b>	<b>17.225.004.940</b>

### (b) Chênh lệch đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

2022	Giá gốc	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá lại năm nay	Chênh lệch đánh giá lại năm trước	Chênh lệch đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ</b>					
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>					
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	151.647.467.564	139.725.022.500	(11.922.445.064)	4.292.337.940	(16.214.783.004)
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	2.664.885.714	1.501.000.000	(1.163.885.714)	2.152.000.000	(3.315.885.714)
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam	-	-	-	2.517.279	(2.517.279)
Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	219.185.851.400	154.186.562.000	(64.999.289.400)	-	(64.999.289.400)
Các cổ phiếu khác	281.931.722	188.118.654	(93.813.068)	29.704.508	(123.517.576)
	<b>373.780.136.400</b>	<b>295.600.703.154</b>	<b>(78.179.433.246)</b>	<b>6.476.559.727</b>	<b>(84.655.992.973)</b>
<b>Ghi nhận vào báo cáo hoạt động:</b>					
Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính					(6.479.470.056)
Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính					78.176.522.917
<b>Lỗ chưa thực hiện trong năm</b>					<b>(84.655.992.973)</b>

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các thuyết minh này bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## (b) Chênh lệch đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (tiếp)

2021	Giá gốc VND	Giá trị thị trường VND	Chênh lệch đánh giá lại năm nay VND	Chênh lệch đánh giá lại năm trước VND	Chênh lệch đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ VND
<b>Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ</b>					
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>					
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	67.559.162.060	71.851.500.000	4.292.337.940	-	4.292.337.940
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	9.818.000.000	11.970.000.000	2.152.000.000	-	2.152.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam	22.105.521	24.622.800	2.517.279	3.362.879.500	(3.360.362.221)
Các cổ phiếu khác	217.322.427	247.026.935	29.704.508	-	29.704.508
	77.616.590.008	84.093.149.735	6.476.559.727	3.362.879.500	3.113.680.227
<b>Ghi nhận vào báo cáo hoạt động:</b>					
Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính					3.117.610.636
Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính					3.930.409
<b>Lợi nhuận chưa thực hiện trong năm</b>					<b>3.113.680.227</b>

## (c) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

	2022 (VND)	2021 (VND)
Từ các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ	9.405.918.417	100.461.200
Từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	112.885.074.974	20.103.523.358
Từ các khoản cho vay	223.074.905.611	42.693.449.174
	<b>345.365.899.002</b>	<b>62.897.433.732</b>

## (d) Doanh thu ngoài thu nhập từ các TSTC

	2022 (VND)	2021 (VND)
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	84.848.044.663	90.033.851.558
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	250.000.000	-
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	6.654.163.033	5.296.806.499
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	2.834.979.254	1.543.034.825
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư tài chính	90.000.000	50.000.000
Thu nhập hoạt động khác	2.732.330.337	527.166.925
	<b>97.409.517.287</b>	<b>97.450.859.807</b>



# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các thuyết minh này bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## 23. Lãi bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

### (a) Lãi bán các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ

2022	Số lượng bán	Giá bán bình quân	Tổng giá trị bán	Giá vốn	Lỗ bán chứng khoán năm nay
	Đơn vị	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	100.433	29.021	2.914.698.000	3.065.235.664	(150.537.665)
Chứng chỉ tiền gửi	284.853	9.607.755	2.736.797.853.768	2.738.409.017.405	(1.611.163.637)
			<b>2.739.712.551.768</b>	<b>2.741.474.253.069</b>	<b>(1.761.701.302)</b>

2021	Số lượng bán	Giá bán bình quân	Tổng giá trị bán	Giá vốn	Lỗ bán chứng khoán năm nay
	Đơn vị	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	2.324.000	27.525	63.968.400.000	88.400.000.000	(24.431.600.000)
Cổ phiếu niêm yết	300.300	29.299	8.798.540.000	9.001.750.543	(203.210.543)
Chứng chỉ tiền gửi	50.105	9.142.447	458.082.292.041	458.195.451.914	(113.159.873)
			<b>530.849.232.041</b>	<b>555.597.202.457</b>	<b>(24.747.970.416)</b>

## 24. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm TSTC và chi phí đi vay cho hoạt động ký quỹ

	2022 (VND)	2021 (VND)
Chi phí dự phòng	39.586.100.297	-
Chi phí đi vay cho hoạt động ký quỹ	102.881.528.656	21.234.536.964
	<b>142.467.628.953</b>	<b>21.234.536.964</b>

## 25. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022 (VND)	2021 (VND)
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.854.143.406	768.378.459
Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	20.701.367	4.962.705
Doanh thu khác về đầu tư	2.906.324.072	-
	<b>4.781.168.845</b>	<b>773.341.164</b>

## 26. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	2022 (VND)	2021 (VND)
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	12.145.475.129	8.560.021.392
Chi phí vật tư văn phòng	494.612.165	533.594.950
Chi phí khấu hao tài sản cố định	126.665.812	67.222.538
Chi phí thuê, phí và lệ phí	190.660.217	229.309.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.548.888.663	4.798.370.654
Chi phí khác	2.565.686.594	672.983.341
	<b>37.071.988.580</b>	<b>14.861.502.475</b>

## 27. Thu nhập khác

	2022 (VND)	2021 (VND)
Tiền phạt thu được từ đối tác	10.031.942.777	5.145.810.959
Các khoản khác	42.048.456	19.910
	<b>10.073.991.233</b>	<b>5.145.830.869</b>

# Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Các thuyết minh này bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## 28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

	2022 VND	2021 VND
<b>(a) Ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động</b>		
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
Năm hiện hành	18.456.111.887	13.033.706.447
<b>(Lợi ích)/chi phí TNDN hoãn lại</b>		
Phát sinh từ chênh lệch tạm thời	(1.295.131.776)	622.736.046
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>17.160.980.111</b>	<b>13.656.442.493</b>
<b>(b) Đối chiếu thuế suất thực tế</b>		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	94.923.798.523	68.125.991.802
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	18.984.759.705	13.625.198.360
Chi phí không được khấu trừ thuế	57.404.091	51.336.373
Thu nhập không bị tính thuế	(1.881.183.685)	(20.092.240)
	<b>17.160.980.111</b>	<b>13.656.442.493</b>
<b>(c) Thuế suất áp dụng</b>		
Theo các điều khoản trong Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.		

## 29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Số dư tại ngày	
	31/12/2022 Phải thu/(phải trả) VND	01/01/2022 Phải thu/(phải trả) VND
<b>Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital (Cổ đông lớn)</b>		
Trả trước cho nhà cung cấp	43.792.223.200	72.028.060.000
<b>Giá trị giao dịch Thu nhập/(chi phí)</b>		
	2022	2021
<b>Công ty Cổ phần Công nghệ Tài chính Encapital (Cổ đông lớn)</b>		
Thu nhập khác	3.172.591.693	4.229.597.261
Chi phí quản trị hệ thống	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
Chi phí mua phần mềm	(23.904.360.000)	(11.471.940.000)
<b>Công ty Cổ phần Encapital Holdings (Cổ đông lớn)</b>		
Thu nhập khác	2.010.165.479	-
<b>Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, và Ban kiểm soát</b>		
Lương thưởng của Tổng Giám đốc	(1.440.095.238)	(1.182.260.000)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-

## 30. Cam kết thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Trong vòng 1 năm	3.361.930.750	1.749.547.372
Từ 2 – 5 năm	23.895.861.660	657.632.640
	<b>27.257.792.410</b>	<b>2.407.180.012</b>

## 31. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngày 28 tháng 2 năm 2023

Người lập:



Vũ Thị Thanh Tâm  
Kế toán



Nguyễn Thị Duyên  
Kế toán trưởng

Phạm Thị Thanh Hoa  
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán DNSE

✉ [hello@dnse.com.vn](mailto:hello@dnse.com.vn)

☎ +84 247 108 9234

🌐 [www.dnse.com.vn](http://www.dnse.com.vn)

